DANH SÁCH KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC VÀO LÀM GIÁO VIÊN TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, PHỔ THÔNG CÔNG LẬP TỈNH HƯNG YÊN NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo Quyết định số 1418/QĐ-CTUBND ngày 01/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Vị trí việc làm: Giáo viên Tiểu học hạng III

Số lượng: 794 người

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1	TH001	Đào Hoài An	22/4/2001	SP	**42,5**	42,5			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Quang-TH-Văn hóa
2	TH002	Nguyễn Thị Thúy An	26/6/1991	Khác	**61,7**	61,7			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Hồng Châu-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Lam Sơn-TH-Ngoại ngữ
3	TH003	Bùi Thị Phương Anh	08/6/1997	Khác		Vắng			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Liên Phương-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Lam Sơn-TH-Ngoại ngữ
4	TH004	Bùi Thị Vân Anh	22/01/1996	SP	**41,7**	41,7			Cử nhân	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Tân Quang-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Văn hóa
5	TH005	Chu Thị Hải Anh	29/06/2000	SP	**85**	85			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Văn hóa	
6	TH006	Đặng Lan Anh	29/06/2001	Khác	**63,3**	63,3			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Yên Phú-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Hoàn Long-TH-Ngoại ngữ
7	TH007	Đặng Thị Mai Anh	16/3/1997	SP		Vắng			Đại học	TB		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa
8	TH008	Đỗ Hải Anh	24/7/2003	SP	**88,3**	88,3			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Thắng Lợi-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Thắng Lợi-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Mễ Sở-TH-Văn hóa
9	TH009	Đỗ Thị Anh	27/01/2001	SP	**88,3**	88,3			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Văn hóa
10	TH010	Đỗ Tú Anh	12/09/2003	SP	**70**	70			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Thanh Long-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Thanh Long-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Văn hóa
11	TH011	Dương Phùng Hồng Anh	11/02/2003	SP	**60,8**	60,8			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Phùng Hưng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Văn hóa
12	TH012	Dương Thị Hoàng Anh	15/6/2003	SP	**65**	60	5	Dân tộc thiểu số (Sán rìu)	Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Văn hóa
13	TH013	Hoàng Ngọc Anh	08/01/2001	SP	**61,7**	61,7			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Đồng Than-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đồng Than-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Văn hóa
14	TH014	Hoàng Thị Vân Anh	01/01/2003	SP	**90**	90			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Văn hóa
15	TH015	Kiều Thị Vân Anh	21/8/2000	SP	**72,5**	72,5			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Minh Hải-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Minh Hải-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Văn hóa
16	TH016	Lê Lan Anh	31/01/2001	SP	**85**	85			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Văn hóa	
17	TH017	Lê Ngọc Anh	10/12/1996	Khác	**54,2**	54,2			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Hoà Phong-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Hoà Phong-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Minh Đức-TH-Ngoại ngữ
18	TH018	Lê Phương Anh	27/6/2003	SP	**50**	50			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa
19	TH019	Lê Quỳnh Anh	15/02/2002	SP	**47,5**	47,5			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Minh Châu-TH-Văn hóa
20	TH020	Lê Thị Hải Anh	26/10/2003	SP		Vắng			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa
21	TH021	Lê Thị Lan Anh	07/3/1992	SP	**72,5**	72,5			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Cương Chính-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Cương Chính-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Văn hóa

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
22	TH022	Lê Tuấn Anh	13/7/2000	Khác	**50**	50			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Dị Sử-TH-GDTC	Trường Tiểu học Dị Sử-TH-GDTC	Trường Tiểu học Nhân Hoà-TH-GDTC
23	TH023	Lê Vân Anh	19/11/1992	SP	**61,7**	61,7			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Ngoại ngữ
24	TH024	Mai Thị Vân Anh	14/7/1984	Khác	**57,5**	57,5			Đại học	TB Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Hoàng Lê-TH-THCN	Trường Tiểu học Hoàng Lê-TH-THCN	Trường Tiểu học Quảng Châu-TH-THCN
25	TH025	Ngô Thị Kim Anh	27/12/1992	SP	**72,5**	72,5			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Dị Chế-TH-GDTC	Trường Tiểu học Dị Chế-TH-GDTC	Trường Tiểu học Nhật Tân-TH-GDTC
26	TH026	Ngô Thị Phương Anh	26/9/2000	Khác	**45,8**	45,8			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Minh Tiến-TH-Ngoại ngữ	
27	TH027	Nguyễn Diệp Anh	25/3/1999	SP	**40,8**	40,8			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Minh Tiến-TH-Văn hóa
28	TH028	Nguyễn Hải Anh	13/6/1998	SP	**40,8**	40,8			Đại học	TB		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Quang-TH-Văn hóa
29	TH029	Nguyễn Hoàng Anh	28/8/1996	Khác	**75**	75			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Tống Phan-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Minh Tiến-TH-Ngoại ngữ
30	TH030	Nguyễn Hoàng Thu Anh	22/9/1995	SP	**53,3**	53,3			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học thị trấn Khoái Châu-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Thị trấn Khoái Châu-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Đồng Tiến-TH-Văn hóa
31	TH031	Nguyễn Mai Anh	15/6/2003	SP	**76,7**	76,7			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Phú Thịnh-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Phú Thịnh-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Ngọc Thanh-TH-Văn hóa
32	TH032	Nguyễn Minh Anh	30/6/2001	SP	**69,2**	69,2			Đại học	X.sắc		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Văn hóa
33	TH033	Nguyễn Mỹ Anh	28/10/1997	SP	**59,2**	59,2			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Long Hưng-TH-Văn hóa
34	TH034	Nguyễn Ngọc Anh	29/08/2002	SP	**53,3**	53,3			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Liêu Xá-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Liêu Xá-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Ngọc Long-TH-Văn hóa
35	TH035	Nguyễn Nhật Anh	5/2/2000	SP	**51,7**	51,7			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Ngoại ngữ
36	TH036	Nguyễn Thị Anh	08/10/1990	SP	**56,7**	56,7			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Văn hóa
37	TH037	Nguyễn Thị Lan Anh	24/04/2002	SP	**52,5**	52,5			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Hoàn Long-TH-GDTC	Trường TH và THCS Hoàn Long-TH-GDTC	Trường Tiểu học Đồng Than-TH-GDTC
38	TH038	Nguyễn Thị Mai Anh	15/10/2000	SP	**43,3**	43,3			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Thắng Lợi-TH-Văn hóa	
39	TH039	Nguyễn Thị Phương Anh	17/09/1998	SP	**59,2**	59,2			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Trưng Trắc-TH-Văn hóa
40	TH040	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	08/02/1997	SP	**53,3**	53,3			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Nhuế Dương-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Nhuế Dương-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Văn hóa
41	TH041	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	13/02/2000	SP	**63,3**	63,3			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Thành Công-TH-Văn hóa
42	TH042	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	26/11/2002	SP	**55**	55			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Thuần Hưng-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Thuần Hưng-TH-Ngoại ngữ	
43	TH043	Nguyễn Thị Vân Anh	19/01/1999	SP	**51,7**	51,7			Đại học	Giỏi	3,40	Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Toàn Thắng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Toàn Thắng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Thị trấn Lương Bằng-TH-Văn hóa
44	TH044	Phạm Thị Ngọc Anh	23/12/1999	SP	**52,5**	52,5			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Chính Nghĩa-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Chính Nghĩa-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Thị trấn Lương Bằng-TH-Văn hóa
45	TH045	Phan Quỳnh Anh	28/01/2000	Khác	**53,3**	53,3			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Tân Tiến-TH-THCN	Trường TH và THCS Tân Tiến-TH-THCN	Trường TH và THCS Cửu Cao-TH-THCN
46	TH046	Phùng Thị Mai Anh	23/02/2002	SP	**87,5**	87,5			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Văn hóa
47	TH047	Quách Phương Anh	17/8/2001	SP	**76,7**	76,7			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học thị trấn Vương-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Thị trấn Vương-TH-Văn hóa	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
48	TH048	Tạ Thị Vân Anh	01/5/1983	SP	55	55			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Quang Trung-TH-GDTC	Trường TH và THCS Quang Trung-TH-GDTC	Trường Tiểu học Hoàng Lê-TH-GDTC
49	TH049	Trần Phương Anh	14/11/2003	SP		Vắng			Cử nhân	X.sắc		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tân Tiến-TH-Văn hóa
50	TH050	Trần Thị Lan Anh	24/6/2003	SP	**73,3**	73,3			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Bảo Khê-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Bảo Khê-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Quảng Châu-TH-Văn hóa
51	TH051	Trần Vân Anh	04/11/2003	SP		Vắng			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Quảng Châu-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Bảo Khê-TH-Văn hóa
52	TH052	Vũ Ngọc Hoàng Anh	10/8/1999	Khác	**68,3**	68,3			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Ngoại ngữ
53	TH053	Vũ Thị Phương Anh	22/08/2002	SP	**44,2**	44,2			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Yên Hoà-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Yên Phú-TH-Ngoại ngữ
54	TH054	Đặng Thị Ngọc Ánh	21/11/2003	SP	**74,2**	74,2			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Phú Cường-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Phú Cường-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Phú Cường-TH-Văn hóa
55	TH055	Đào Ngọc Ánh	28/11/2000	SP	**82,5**	82,5			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Phan Đình Phùng-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Phan Đình Phùng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Minh Hải-TH-Văn hóa
56	TH056	Đỗ Ngọc Ánh	25/5/2002	SP	**70,8**	70,8			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Tân Quang-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Quang-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa
57	TH057	Đỗ Thị Ánh	20/05/1983	SP	**50,8**	50,8			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Nghĩa Hiệp-TH-Văn hóa	
58	TH058	Đỗ Thị Ngọc Ánh	02/06/2001	SP	**82,5**	82,5			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đông Kết-TH-Văn hóa
59	TH059	Nguyễn Ngọc Ánh	27/11/2003	SP	**93,3**	93,3			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học thị trấn Văn Giang-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Thắng Lợi-TH-Văn hóa
60	TH061	Trần Thị Ngọc Ánh	20/9/2003	SP	**68,3**	68,3			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Văn hóa
61	TH062	Đỗ Ngọc Bách	02/01/1997	SP		Vắng			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Quang Trung-TH-GDTC	Trường Tiểu học Đức Hợp-TH-GDTC
62	TH063	Nguyễn Thị Ngọc Bích	06/9/2003	SP	**79,2**	79,2			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Văn hóa
63	TH064	Trần Thị Bích	14/7/2002	SP	**52,5**	52,5			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học An Viên-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Nhật Tân-TH-Văn hóa
64	TH065	Lương Thị Thanh Bình	20/4/1998	SP	**59,2**	59,2			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Văn hóa
65	TH066	Trần Thị Bốn	20/7/1987	SP	**64,2**	64,2			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Xuân Trúc-TH-THCN	Trường Tiểu học Xuân Trúc-TH-THCN	Trường Tiểu học Bãi Sậy-TH-THCN
66	TH067	Đỗ Hữu Cảnh	06/4/1985	Khác	**51,7**	51,7			Cử nhân/ Kỹ sư	TB Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-THCN	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-THCN	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-THCN
67	TH068	Ngô Thùy Châm	26/11/1998	SP	**70,8**	70,8			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Liêu Xá-TH-Văn hóa
68	TH069	Nguyễn Thị Anh Châm	28/8/1996	SP	**39,2**	39,2			Cử nhân	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa
69	TH070	Trần Kiều Châm	15/12/2003	SP		Vắng			Cử nhân	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Văn hóa
70	TH071	Bùi Minh Châu	06/6/2003	SP	**60,8**	60,8			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Quảng Châu-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Văn hóa
71	TH072	Nguyễn Thị Minh Châu	01/12/2003	SP	**52,5**	52,5			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Hồng Châu-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Hồng Châu-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đức Hợp-TH-Văn hóa
72	TH073	Đỗ Kiều Chi	04/7/2003	SP	**50,8**	50,8			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tô Hiệu-TH-Văn hóa
73	TH074	Hoàng Thị Linh Chi	19/5/2001	SP	**41,7**	41,7			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Thị trấn Lương Bằng-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Thọ Vinh-TH-Ngoại ngữ

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
74	TH075	Nguyễn Thị Chi	12/02/1985	SP	79,2	79,2			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Nghĩa Dân-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Nghĩa Dân-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Vĩnh Xá-TH-Văn hóa
75	TH076	Bùi Đức Chiến	15/02/1983	SP	73,3	73,3			Đại học	TB Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Cương Chính-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Cương Chính-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Lệ Xá-TH-Ngoại ngữ
76	TH077	Bùi Thị Tuyết Chinh	21/5/1990	SP	71,7	66,7	5	Con bệnh binh	Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Mễ Sở-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Mễ Sở-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Ngoại ngữ
77	TH078	Đặng Thị Chinh	02/8/1994	SP	66,7	66,7			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Tô Hiệu-TH-Ngoại ngữ
78	TH079	Lê Thị Chinh	17/03/1998	SP	45	45			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Yên Phú-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Văn hóa
79	TH080	Phạm Thị Tuyết Chinh	20/10/1997	SP	60	60			Cử nhân	TB		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Đồng Than-TH-Văn hóa	
80	TH081	Trần Hữu Chính	07/03/1990	SP	55	50	5	Học viên tốt nghiệp đào tạo Sỹ quan dự bị	Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Đức Hợp-TH-GDTC	Trường Tiểu học Đức Hợp-TH-GDTC	Trường TH và THCS Hùng An-TH-GDTC
81	TH082	Bùi Thị Thanh Chúc	13/02/2003	SP	50,8	50,8			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa
82	TH083	Phạm Thị Chung	26/01/1994	SP	52,5	52,5			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Tân Tiến-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tân Tiến-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tô Hiệu-TH-Văn hóa
83	TH084	Đào Thị Chuyên	05/12/1983	SP	52,5	52,5			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Dị Sử-TH-Âm nhạc	Trường Tiểu học Dị Sử-TH-Âm nhạc	Trường Tiểu học Bần Yên Nhân Số 1-TH-Âm nhạc
84	TH085	Đức Thị Chuyên	27/4/1990	SP	69,2	69,2			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Đồng Tiến-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Bình Minh-TH-Văn hóa
85	TH086	Đàm Thị Cúc	15/6/2002	SP	63,3	63,3			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Ngô Quyền-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Nhật Tân-TH-Văn hóa
86	TH087	Nguyễn Ngọc Cúc	28/12/2002	SP	85,8	85,8			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Văn hóa
87	TH088	Tạ Thị Cúc	13/9/1992	Khác	45	45			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Liên Phương-TH-THCN	Trường TH và THCS Phương Chiểu-TH-THCN
88	TH089	Đoàn Mạnh Đại	30/8/1990	SP	55,8	55,8			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Thuần Hưng-TH-GDTC	Trường TH và THCS Thuần Hưng-TH-GDTC	Trường Tiểu học Hồng Tiến-TH-GDTC
89	TH090	Hoàng Thị Đào	15/4/1989	SP	51,7	51,7			Đại học	Giỏi	3,26	Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Toàn Thắng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Vĩnh Xá-TH-Văn hóa
90	TH091	Nguyễn Văn Đạt	25/01/1993	SP	45	45			Đại học	TB Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Hồng Tiến-TH-GDTC	Trường Tiểu học Dân Tiến-TH-GDTC
91	TH092	Hoàng Lệ Diễm	17/12/1997	Khác	59,2	59,2			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Ngoại ngữ
92	TH093	Lưu Thị Diên	14/10/2003	SP		Vắng			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Văn hóa
93	TH094	Vũ Thị Tùng Diệp	29/8/2002	SP	54,2	54,2			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Vũ Xá-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Vũ Xá-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Chính Nghĩa-TH-Văn hóa
94	TH095	Nguyễn Thị Điệp	14/11/1989	Khác	42,5	42,5			Kỹ sư	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học An Viên-TH-THCN	
95	TH096	Nguyễn Thị Hồng Diệu	17/5/1992	SP	74,2	74,2			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Nghĩa Dân-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đức Hợp-TH-Văn hóa
96	TH097	Nguyễn Thị Dinh	20/10/1985	Khác	82,5	77,5	5	Con thương binh	Cử nhân	TB Khá		Trúng tuyển NV2 vào Trường Tiểu học An Viên-TH-THCN	Trường Tiểu học Cương Chính-TH-THCN	Trường Tiểu học An Viên-TH-THCN
97	TH098	Nghiêm Thị Định	20/6/2002	SP	78,3	78,3			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa
98	TH099	Lê Thị Dịu	08/9/1985	SP	54,2	54,2			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Văn hóa

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
99	TH100	Nguyễn Thị Dịu	06/02/1990	SP	**70**	70			Cử nhân	X.sắc		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Minh Tiến-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Minh Tiến-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tiên Tiến-TH-Văn hóa
100	TH101	Nguyễn Thị Dịu	06/12/2001	Khác	**46,7**	46,7			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Phạm Ngũ Lão-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Đồng Thanh-TH-Ngoại ngữ
101	TH102	Lương Dược Đức	30/12/2002	SP		Vắng			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Phùng Hưng-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Thành Công-TH-Văn hóa
102	TH103	Cao Thị Dung	13/5/1995	SP	**74,2**	74,2			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Văn hóa
103	TH105	Hoàng Thị Thùy Dung	14/12/2001	SP	**67,5**	67,5			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Văn hóa
104	TH106	Lại Thị Dung	12/3/1984	Khác	**75**	75			Cử nhân	TB Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Trung Nghĩa-TH-THCN	Trường Tiểu học Trung Nghĩa-TH-THCN	Trường Tiểu học An Viên-TH-THCN
105	TH107	Mai Thị Dung	20/12/1994	SP	**60**	60			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Thị trấn Lương Bằng-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Vũ Xá-TH-Văn hóa
106	TH108	Nguyễn Thị Dung	15/11/1983	SP		Vắng			Cử nhân	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Minh Tiến-TH-Văn hóa	
107	TH109	Nguyễn Thị Kim Dung	16/10/1987	SP	**81,7**	81,7			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Vĩnh Xá-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Vĩnh Xá-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Toàn Thắng-TH-Văn hóa
108	TH110	Nguyễn Thị Kim Dung	11/02/2001	SP		Vắng			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa
109	TH111	Nguyễn Thị Thùy Dung	16/12/2002	SP	**78,3**	78,3			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Văn hóa
110	TH112	Phan Thị Phương Dung	30/10/2003	SP	**87,5**	87,5			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Quang Hưng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Quang Hưng-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Phan Sào Nam-TH-Văn hóa
111	TH113	Lò Trần Thuỳ Dương	06/9/2003	SP	**75,8**	70,8	5	Dân tộc thiểu số (Thái)	Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Long Hưng-TH-Văn hóa
112	TH114	Nguyễn Thị Thùy Dương	02/06/2003	SP	**60**	60			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Tân Quang-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Văn hóa
113	TH115	Phạm Thùy Dương	11/5/2001	SP	**66,7**	66,7			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Minh Hải-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Minh Hải-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Chỉ Đạo-TH-Văn hóa
114	TH116	Trần Thùy Dương	26/9/2003	SP	**76,7**	76,7			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Bần Yên Nhân-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Bần Yên Nhân-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Bần Yên Nhân số 1-TH-Văn hóa
115	TH117	Vũ Thị Thùy Dương	04/3/2002	SP	**55,8**	55,8			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Đồng Thanh-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Đồng Thanh-TH-Văn hóa	
116	TH118	Nguyễn Thị Duyên	29/08/1992	SP	**42,5**	42,5			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Yên Phú-TH-Ngoại ngữ
117	TH119	Nguyễn Thị Duyên	02/9/1996	SP		Vắng			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa
118	TH120	Nguyễn Thị Duyên	15/11/2000	SP		Vắng			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa
119	TH121	Nguyễn Thị Duyên	23/01/1991	SP	**71,7**	71,7			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Âm nhạc	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Âm nhạc	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Âm nhạc
120	TH122	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	26/10/2003	SP		Vắng			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Bảo Khê-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đức Hợp-TH-Văn hóa
121	TH123	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	16/02/2001	SP	**51,7**	51,7			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Thị trấn Vương-TH-Văn hóa	
122	TH124	Phạm Thị Mỹ Duyên	26/9/2003	SP		Vắng			Cử nhân	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Đại Tập-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Thành Công-TH-Văn hóa
123	TH125	Phan Mỹ Duyên	29/8/2003	SP	**61,7**	61,7			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Thành Công-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Đại Tập-TH-Văn hóa
124	TH126	Phạm Quang Duyệt	14/01/2003	SP	**20**	20			Cử nhân	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Bảo Khê-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Quảng Châu-TH-Văn hóa

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
125	TH127	Nguyễn Thị Hồng Gấm	31/01/1979	SP	**60,8**	55,8	5	Con thương binh	Cử nhân	TB Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Ngoại ngữ
126	TH128	Bùi Thị Thu Giang	24/08/2003	SP	**70**	65	5	Dân tộc thiểu số (Mường)	Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa
127	TH129	Chu Hương Giang	23/7/2001	SP	**58,3**	58,3			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Văn hóa
128	TH130	Đỗ Thị Hà Giang	15/6/1998	SP	**55**	55			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa
129	TH131	Lê Thị Giang	20/01/1996	SP	**71,7**	71,7			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Thắng Lợi-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Thắng Lợi-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Văn hóa
130	TH132	Nguyễn Hương Giang	26/10/2001	Khác	**61,7**	61,7			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Nghĩa Dân-TH-THCN	Trường Tiểu học Nghĩa Dân-TH-THCN	Trường Tiểu học Vĩnh Xá-TH-THCN
131	TH133	Nguyễn Hương Giang	15/4/1997	SP	**56,7**	56,7			Cử nhân	X.sắc		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Lương Tài-TH-Văn hóa
132	TH134	Nguyễn Ngọc Hương Giang	12/3/2003	SP	**60**	60			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Văn hóa
133	TH135	Nguyễn Quỳnh Giang	18/12/2002	SP	**55**	55			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa
134	TH136	Nguyễn Thị Hương Giang	20/10/2001	SP	**66,7**	66,7			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Ngọc Long-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Ngọc Long-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Văn hóa
135	TH137	Nguyễn Thị Hương Giang	26/02/2003	SP	**88,3**	88,3			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Văn hóa
136	TH138	Bùi Ngọc Hà	25/12/2003	SP	**82,5**	82,5			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV2 vào Trường Tiểu học Minh Tiến-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Quang Hưng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Minh Tiến-TH-Văn hóa
137	TH139	Cao Thị Hà	22/01/1984	SP	**61,7**	61,7			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa
138	TH140	Đặng Thu Hà	03/7/1998	SP	**53,3**	53,3			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Thành Công-TH-Văn hóa
139	TH141	Đào Thu Hà	27/12/1992	SP	**85,8**	85,8			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Văn hóa	
140	TH142	Đinh Thu Hà	04/12/1995	SP	**54,2**	54,2			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Liêu Xá-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Liêu Xá-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Ngọc Long-TH-Văn hóa
141	TH143	Đỗ Thu Hà	02/11/2002	SP	**63,3**	63,3			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Bạch Sam-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Bạch Sam-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Phùng Chí Kiên-TH-Văn hóa
142	TH144	Hoàng Thị Thu Hà	11/7/2001	Khác	**50,8**	50,8			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Nhân Hoà-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Nhân Hoà-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Cẩm Xá-TH-Ngoại ngữ
143	TH145	Lê Minh Hà	12/02/1987	SP	**52,5**	52,5			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Chí Tân-TH-Mỹ thuật	Trường TH và THCS Chí Tân-TH-Mỹ thuật	Trường TH và THCS Bần Yên Nhân-TH-Mỹ thuật
144	TH146	Lê Thị Thu Hà	26/8/1995	SP	**51,7**	51,7			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Tân Châu-TH-Âm nhạc	Trường Tiểu học Tân Châu-TH-Âm nhạc	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Âm nhạc
145	TH147	Nguyễn Thanh Hà	24/4/2003	SP	**64,2**	64,2			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Trưng Trắc-TH-Văn hóa
146	TH148	Nguyễn Thị Hà	27/12/1989	SP	**74,2**	74,2			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Văn hóa
147	TH149	Nguyễn Thị Hà	27/06/1987	SP	**58,3**	58,3			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Minh Châu-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Minh Châu-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Trung Hưng-TH-Văn hóa
148	TH150	Nguyễn Thị Hà	04/07/1996	SP	**55**	55			Cử nhân	TB		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Văn hóa
149	TH151	Nguyễn Thị Hà	14/11/2003	SP	**94,2**	94,2			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học thị trấn Văn Giang-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Liên Nghĩa-TH-Văn hóa
150	TH152	Nguyễn Thị Hằng Hà	28/01/1996	SP	**40**	40			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Văn hóa

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
151	TH153	Nguyễn Thị Thu Hà	28/01/2001	CSP	**59,2**	59,2			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Ngoại ngữ
152	TH154	Nguyễn Thu Hà	19/10/1999	SP	**53,3**	53,3			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Tân Quang-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Tân Quang-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Ngoại ngữ
153	TH155	Nguyễn Vĩnh Hà	09/02/2002	SP	**55**	55			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Long Hưng-TH-Văn hóa
154	TH156	Tạ Thị Thu Hà	29/11/1995	SP	**50**	50			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Thành Công-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Đại Tập-TH-Văn hóa
155	TH157	Trần Thị Thu Hà	02/06/2001	SP	**46,7**	46,7			Cử nhân	X.sắc		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Đồng Than-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Văn hóa
156	TH158	Trần Thu Hà	24/12/2002	SP	**86,7**	86,7			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Văn hóa
157	TH159	Trần Thuý Hà	03/9/1989	SP		Vắng			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Xuân Quan-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Phụng Công-TH-Ngoại ngữ
158	TH160	Trịnh Thị Hà	20/9/1983	SP		Vắng			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Văn hóa
159	TH161	Tạ Bùi Duyên Hải	20/9/2003	SP	**62,5**	62,5			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa
160	TH162	Tào Thị Hải	17/04/1989	SP	**57,5**	57,5			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Yên Phú-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Yên Phú-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Liêu Xá-TH-Văn hóa
161	TH163	Vũ Thị Minh Hai	13/06/2001	SP	**54,2**	54,2			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Văn hóa
162	TH164	Hoàng Thị Hân	18/04/2003	SP	**63,3**	63,3			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Văn hóa
163	TH165	Bùi Thị Thanh Hằng	27/5/2002	SP	**50**	50			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Quang-TH-Văn hóa
164	TH166	Đỗ Thị Hằng	25/09/1997	SP		Vắng			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Toàn Thắng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Nghĩa Dân-TH-Văn hóa
165	TH167	Hàn Thị Thu Hằng	21/7/2002	SP	**62,5**	62,5			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Nhân Hoà-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Nhân Hoà-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Bạch Sam-TH-Văn hóa
166	TH168	Hồ Thị Thu Hằng	30/11/1996	Khác	**47,5**	47,5			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Ngoại ngữ	
167	TH169	Lê Thị Thu Hằng	23/2/1998	SP	**49,2**	49,2			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Minh Hải-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Văn hóa
168	TH170	Nguyễn Minh Hằng	19/12/1997	SP	**48,3**	48,3			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Cương Chính-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Ngoại ngữ
169	TH171	Nguyễn Phạm Thanh Hằng	22/7/2003	SP	**82,5**	82,5			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học thị trấn Lương Bằng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Thị trấn Lương Bằng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Hiệp Cường-TH-Văn hóa
170	TH172	Nguyễn Thị Hằng	15/01/1998	SP	**66,7**	66,7			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa
171	TH173	Nguyễn Thị Hằng	22/7/2002	SP	**51,7**	51,7			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Văn hóa
172	TH174	Nguyễn Thị Thu Hằng	18/02/2003	SP	**90,8**	90,8			Đại học	X.sắc		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Thành Công-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Thành Công-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Đại Tập-TH-Văn hóa
173	TH175	Nguyễn Thị Thu Hằng	07/02/1996	SP	**53,3**	53,3			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Văn hóa
174	TH176	Nguyễn Thị Thu Hằng	09/02/2001	SP		Vắng			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Nhân Hoà-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Bần Yên Nhân số 1-TH-Văn hóa
175	TH177	Nguyễn Thu Hằng	23/10/2002	SP	**67,5**	67,5			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Văn hóa
176	TH178	Phạm Minh Hằng	27/4/2001	SP	**52,5**	52,5			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Văn hóa

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
177	TH179	Phạm Thị Hằng	09/7/1995	SP	**59,2**	59,2			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Ngọc Thanh-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Văn hóa
178	TH180	Phạm Thị Hằng	18/08/2003	SP	**85,8**	85,8			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa
179	TH181	Phạm Thị Minh Hằng	08/10/2003	SP	**80**	80			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Bần Yên Nhân số 1-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Bần Yên Nhân số 1-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Bần Yên Nhân-TH-Văn hóa
180	TH182	Phạm Thị Vũ Hằng	21/10/1983	SP	**87,5**	87,5			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Đức Hợp-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đức Hợp-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Ngọc Thanh-TH-Văn hóa
181	TH183	Trần Minh Hằng	16/3/1999	SP	**40,8**	40,8			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Liên Nghĩa-TH-Văn hóa
182	TH184	Trần Thị Thanh Hằng	12/09/1998	SP		Vắng			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Văn hóa
183	TH185	Trần Thị Thúy Hằng	05/10/1985	SP	**75**	75			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Minh Hoàng-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Minh Hoàng-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tiên Tiến-TH-Văn hóa
184	TH186	Bùi Thị Mỹ Hạnh	18/7/1990	Khác	**74,2**	74,2			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Trung nghĩa-TH-THCN	Trường Tiểu học Đình Cao-TH-THCN
185	TH187	Đỗ Thị Hạnh	16/09/1992	Khác	**61,7**	61,7			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Yên Phú-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Mễ Sở-TH-Ngoại ngữ
186	TH188	Dương Hồng Hạnh	2/7/2003	SP	**60,8**	60,8			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa
187	TH189	Dương Thị Mai Hạnh	01/04/2003	SP	**55,8**	50,8	5	Dân tộc thiểu số (Mường)	Đại học	TB		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Văn hóa
188	TH190	Nguyễn Thị Hạnh	22/11/1984	SP	**75,8**	75,8			Đại học	TB Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Tam Đa-TH-THCN	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-THCN	Trường Tiểu học Liên Phương-TH-THCN
189	TH191	Nguyễn Thị Hạnh	17/11/1990	SP	**53,3**	53,3			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Thủ Sỹ-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Thủ Sỹ-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Minh Phượng-TH-Ngoại ngữ
190	TH192	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	08/8/2001	SP	**76,7**	76,7			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Hoà Phong-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Hoà Phong-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Bạch Sam-TH-Văn hóa
191	TH193	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	27/12/2003	SP	**75**	75			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Văn hóa
192	TH194	Nguyễn Thúy Hạnh	7/3/2003	SP	**55,8**	55,8			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Thành Công-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Văn hóa
193	TH195	Phạm Thị Hồng Hạnh	21/6/1982	Khác	**55,8**	55,8			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Hoàng Lê-TH-THCN	Trường Tiểu học Trung Nghĩa-TH-THCN
194	TH196	Trương Thị Hồng Hạnh	25/09/1988	SP	**41,7**	41,7			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Lý Thường Kiệt-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tân Việt-TH-Văn hóa
195	TH197	Phạm Trọng Hào	07/10/2000	Khác	**51,7**	51,7			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-GDTC	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-GDTC	Trường Tiểu học Minh Hải-TH-GDTC
196	TH198	Hà Thị Hồng Hảo	10/11/2002	SP	**50**	50			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Việt Hoà-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Việt Hoà-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Đồng Tiến-TH-Văn hóa
197	TH199	Nguyễn Thu Hảo	17/8/2001	SP	**53,3**	53,3			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Phù Ủng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Bãi Sậy-TH-Văn hóa
198	TH200	Tô Thị Thu Hảo	20/8/1988	SP		Vắng			Cử nhân	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-THCN	Trường Tiểu học Thị trấn Khoái Châu-TH-THCN
199	TH201	Bùi Thị Hậu	30/8/1997	SP	**52,5**	52,5			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa
200	TH202	Nguyễn Thị Hiêm	20/9/1991	SP	**59,2**	59,2			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Trung Dũng-TH-THCN	Trường TH và THCS Trung Dũng-TH-THCN	Trường Tiểu học An Viên-TH-THCN
201	TH203	Nguyễn Thị Hiên	01/10/2003	SP	**86,7**	86,7			Đại học	Giỏi	3,31	Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Văn hóa
202	TH204	Vũ Thị Hiên	01/12/1992	Khác	**75**	75			Kỹ sư	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Trung Nghĩa-TH-THCN	Trường Tiểu học Trung Nghĩa-TH-THCN	Trường Tiểu học Liên Phương-TH-THCN

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
203	TH205	Đào Thị Hiền	24/8/1989	SP	**53,3**	53,3			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đông Kết-TH-Văn hóa
204	TH206	Đỗ Thị Hiền	08/12/2001	SP	**51,7**	51,7			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Vân Du-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Vân Du-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đào Dương-TH-Văn hóa
205	TH207	Đỗ Thu Hiền	10/12/2003	SP	**68,3**	68,3			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Song Mai-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Song Mai-TH-Văn hóa	
206	TH208	Hà Thị Thu Hiền	05/12/2002	SP	**70**	70			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Lương Tài-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa
207	TH209	Hoàng Thị Thanh Hiền	03/9/2001	SP	**70,8**	70,8			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Văn hóa
208	TH210	Lê Thị Hiền	22/5/1989	SP	**64,2**	64,2			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Liên Nghĩa-TH-THCN	Trường Tiểu học Liên Nghĩa-TH-THCN	Trường TH và THCS Tân Tiến-TH-THCN
209	TH211	Lê Thị Thúy Hiền	25/06/2003	SP	**61,7**	61,7			Cử nhân	X.sắc		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Yên Phú-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Yên Phú-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Yên Hoà-TH-Văn hóa
210	TH212	Lương Thị Hiền	29/08/1986	SP	**52,5**	52,5			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Đồng Thanh-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Đồng Thanh-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Song Mai-TH-Văn hóa
211	TH213	Ngô Thị Hiền	01/8/2000	SP		Vắng			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Ngoại ngữ
212	TH214	Nguyễn Thanh Hiền	20/4/2000	SP	**42,5**	42,5			Cử nhân	TB		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Văn hóa
213	TH215	Nguyễn Thị Thu Hiền	10/6/2002	SP	**53,3**	53,3			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Văn hóa
214	TH216	Nguyễn Thuý Hiền	18/11/2003	SP	**68,3**	68,3			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Liên Nghĩa-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Liên Nghĩa-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Mễ Sở-TH-Văn hóa
215	TH217	Phan Thị Minh Hiền	14/12/2002	SP	**80,8**	75,8	5	Con thương binh loại A - hạng 1	Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Lương Tài-TH-Văn hóa
216	TH218	Trần Thị Thu Hiền	15/02/2002	SP	**39,2**	39,2			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tô Hiệu-TH-Văn hóa
217	TH219	Vũ Tuấn Hiệp	26/12/1988	SP	**50**	50			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Hồng Châu-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Hồng Châu-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Liên Phương-TH-Ngoại ngữ
218	TH220	Phạm Minh Hiếu	06/9/2002	SP	**50**	50			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Nhật Quang-TH-GDTC	Trường TH và THCS Nhật Quang-TH-GDTC	
219	TH221	Vũ Khắc Hiếu	29/7/2002	SP	**50**	50			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học An Vĩ-TH-GDTC	Trường Tiểu học An Vĩ-TH-GDTC	Trường Tiểu học Dân Tiến-TH-GDTC
220	TH222	Đào Thị Linh Hoa	05/8/1992	SP	**51,7**	51,7			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Đại Hưng-TH-THCN	Trường Tiểu học Đại Hưng-TH-THCN	Trường Tiểu học Phùng Hưng-TH-THCN
221	TH223	Đoàn Thị Vân Hoa	15/12/2001	SP	**57,5**	57,5			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Long Hưng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Quang-TH-Văn hóa
222	TH224	Dương Thị Hồng Hoa	12/8/1989	SP	**52,5**	52,5			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Quảng Châu-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Hồng Châu-TH-Văn hóa
223	TH225	Hoàng Thị Thanh Hoa	29/1/1998	SP	**45**	45			Cử nhân	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Quang-TH-Văn hóa
224	TH226	Lục Thị Mai Hoa	13/6/1996	SP	**62,5**	62,5			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa
225	TH227	Mai Ngọc Hoa	29/05/2003	SP	**60**	60			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Văn hóa
226	TH228	Nguyễn Thị Hoa	13/4/1996	SP	**56,7**	56,7			Đại học	X.sắc		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Bãi Sậy-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Bãi Sậy-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Bắc Sơn-TH-Văn hóa
227	TH229	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	15/5/2000	SP	**57,5**	57,5			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Đại Tập-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đông Kết-TH-Văn hóa
228	TH230	Nguyễn Thị Thanh Hoa	20/4/1999	SP	**46,7**	46,7			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Minh Hải-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Lương Tài-TH-Văn hóa

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển				Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải					
229	TH231	Phạm Thị Thanh Hoa	18/6/1996	SP	**78,3**	78,3			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tiên Tiến-TH-Văn hóa
230	TH232	Trần Thị Hoa	08/07/1991	SP	**85,8**	85,8			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Hoàn Long-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Hoàn Long-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đồng Than-TH-Văn hóa
231	TH233	Đặng Quang Hoà	09/03/1988	Khác	**57,5**	52,5	5	Con ruột bệnh binh 2/3 (61%)	Kỹ sư	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học thị trấn Yên Mỹ II-TH-THCN	Trường Tiểu học Thị trấn Yên Mỹ II-TH-THCN	Trường TH và THCS Trung Hưng-TH-THCN
232	TH234	Nguyễn Khánh Hoà	09/01/2000	Khác	**45**	45			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Ngọc Long-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Minh Châu-TH-Ngoại ngữ
233	TH235	Nguyễn Thị Hoà	02/12/1989	SP	**59,2**	59,2			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Thiện Phiến-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Thủ Sỹ-TH-Ngoại ngữ
234	TH236	Trần Thị Hoà	02/11/2003	SP	**87,5**	87,5			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Văn hóa
235	TH237	Trần Thị Hoà	16/7/1976	Khác		Vắng	5	Con thương binh 1/4	Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Lệ Xá-TH-THCN	Trường Tiểu học Nhật Tân-TH-THCN
236	TH238	Bùi Thị Hoài	06/5/1990	SP	**70,8**	70,8			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Long Hưng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Liên Nghĩa-TH-Văn hóa
237	TH239	Ngô Thị Hoài	16/3/1996	Khác	**60**	60			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Tân Tiến-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Ngoại ngữ
238	TH240	Nguyễn Thị Hoài	16/3/1988	SP	**52,5**	52,5			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Đoàn Đào-TH-THCN	Trường Tiểu học Đoàn Đào-TH-THCN	Trường Tiểu học An Viên-TH-THCN
239	TH241	Nguyễn Thị Thu Hoài	24/7/2003	SP	**62,5**	62,5			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Minh Hải-TH-Văn hóa
240	TH242	Phạm Thị Hoài	20/5/1988	Khác	**77,5**	77,5			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Quảng Châu-TH-THCN	Trường Tiểu học Cương Chính-TH-THCN
241	TH243	Vũ Thị Hoài	17/10/1991	SP	**90**	90			Cử nhân	X.sắc		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Văn hóa
242	TH244	Phạm Vũ Hoàng	27/10/2000	SP	**85,8**	85,8			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Lương Tài-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Lương Tài-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa
243	TH245	Đỗ Thị Hoạt	18/09/1990	Khác	**50**	50			Kỹ sư	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Đồng Than-TH-THCN	Trường Tiểu học Đồng Than-TH-THCN	Trường TH và THCS Việt Cường-TH-THCN
244	TH246	Đỗ Thị Thúy Hồng	14/8/2000	Khác	**50**	50			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Minh Đức-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Minh Đức-TH-Ngoại ngữ	
245	TH247	Nguyễn Thị Hồng	01/01/1986	SP	**76,7**	76,7			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Thị trấn Khoái Châu-TH-Văn hóa
246	TH248	Phạm Thị Hồng	08/8/1993	SP	**63,3**	63,3			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Minh Hoàng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Quang Hưng-TH-Văn hóa
247	TH249	Trần Thị Hồng	22/9/1990	SP	**75**	75			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Cương Chính-TH-THCN	Trường TH và THCS Trung Dũng-TH-THCN
248	TH250	Trần Thị Hồng	05/5/2002	SP	**90**	90			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Văn hóa
249	TH251	Vương Thị Hợp	10/9/1996	Khác	**52,5**	52,5			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Thọ Vinh-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Thọ Vinh-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Đồng Thanh-TH-Ngoại ngữ
250	TH252	Ngô Thị Huế	14/12/2003	SP	**56,7**	56,7			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Văn hóa
251	TH253	Nguyễn Thị Thu Huế	24/01/2002	SP	**62,5**	62,5			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Minh Hải-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Minh Hải-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa
252	TH254	Trần Thị Huế	08/11/2000	SP		Vắng			Cử nhân	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Quảng Châu-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Hồng Châu-TH-Văn hóa
253	TH255	Đào Thị Huệ	20/09/2002	SP	**50,8**	50,8			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Thanh Long-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Thanh Long-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Ngoại ngữ
254	TH256	Đoàn Kiều Minh Huệ	20/8/1998	SP	**51,7**	51,7			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Trưng Trắc-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Trưng Trắc-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển				Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải					
255	TH257	Hoàng Thị Thu Huệ	02/04/1997	SP	**60,8**	60,8			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV2 vào Trường Tiểu học Yên Phú-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Yên Phú-TH-Văn hóa
256	TH258	Nguyễn Thị Hồng Huệ	02/02/1979	SP	**70,8**	70,8			Đại học	TB		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Cương Chính-TH-Ngoại ngữ	
257	TH259	Nguyễn Thị Huệ	09/01/2003	SP	**71,7**	71,7			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Văn hóa
258	TH260	Nguyễn Thị Huệ	21/07/1990	SP	**75,8**	75,8			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Ngọc Long-TH-Văn hóa
259	TH261	Nguyễn Thị Huệ	23/9/1989	SP	**50**	50			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Toàn Thắng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Văn hóa
260	TH262	Phạm Thị Huệ	30/4/1998	SP	**80,8**	80,8			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Minh Hoàng-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Minh Hoàng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Quang Hưng-TH-Văn hóa
261	TH263	Nguyễn Mạnh Hùng	02/01/1981	SP	**35,8**	35,8			Cử nhân	TB Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Cương Chính-TH-Ngoại ngữ	
262	TH264	Lê Mạnh Hưng	22/ 09/1998	SP	**41,7**	41,7			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Thành Công-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Văn hóa
263	TH265	Trần Thị Hưng	02/3/2002	SP	**83,3**	83,3			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Châu-TH-Văn hóa
264	TH266	Bùi Thị Hương	22/08/1990	Khác	**74,2**	74,2			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Yên Phú-TH-THCN	Trường Tiểu học Yên Phú-TH-THCN	Trường TH và THCS Hoàn Long-TH-THCN
265	TH267	Cao Thị Liên Hương	04/06/2002	SP	**50**	50			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Ngọc Long-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Ngọc Long-TH-Văn hóa	
266	TH268	Đào Thị Hương	13/10/1998	SP	**50**	50			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Đức Hợp-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Ngọc Thanh-TH-Văn hóa
267	TH269	Đào Thị Hương	09/12/2001	SP	**46,7**	46,7			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa	
268	TH270	Đinh Thị Thanh Hương	10/9/1989	Khác	**57,5**	57,5			Kỹ sư	TB Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Quang Trung-TH-THCN	Trường Tiểu học Quảng Châu-TH-THCN
269	TH271	Đỗ Diệu Hương	21/9/2003	SP	**65**	65			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Văn hóa
270	TH272	Đỗ Lan Hương	21/6/1993	SP	**55**	55			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Văn hóa
271	TH273	Đỗ Thu Hương	02/8/2001	SP	**79,2**	79,2			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Văn hóa	
272	TH274	Đoàn Thị Mai Hương	25/7/1981	Khác	**46,7**	46,7			Đại học	TB Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học An Viên-TH-THCN	Trường Tiểu học Nhật Tân-TH-THCN
273	TH275	Hoàng Hà Hải Hương	17/11/1986	SP	**60**	60			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Quảng Châu-TH-THCN	Trường Tiểu học Quảng Châu-TH-THCN	Trường Tiểu học Trung Nghĩa-TH-THCN
274	TH276	Hoàng Thanh Hương	20/02/2003	SP	**65**	65			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Văn hóa
275	TH277	Lê Thị Hương	08/7/1991	SP	**33,3**	33,3			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Âm nhạc	Trường TH và THCS Đình Dù-TH-Âm nhạc
276	TH278	Lưu Lan Hương	30/8/1999	SP	**89,2**	89,2			Cử nhân	X.sắc		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Long Hưng-TH-Văn hóa
277	TH279	Nguyễn Thị Hương	30/6/2001	SP	**60,8**	60,8			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Minh Đức-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Hoà Phong-TH-Văn hóa
278	TH280	Nguyễn Thị Hương	16/5/2000	SP	**40,8**	40,8			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học An Viên-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Nhật Tân-TH-Ngoại ngữ
279	TH281	Nguyễn Thị Lan Hương	28/8/2002	SP	**57,5**	57,5			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Văn hóa
280	TH282	Nguyễn Thị Lan Hương	28/10/2003	SP	**80**	80			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Nghĩa Dân-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Nghĩa Dân-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Toàn Thắng-TH-Văn hóa

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
281	TH283	Nguyễn Thị Sông Hương	20/6/2002	SP	**56,7**	56,7			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Văn hóa
282	TH284	Nguyễn Thị Thanh Hương	01/9/2003	SP	**65,8**	65,8			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Mai Động-TH-THCN	Trường TH và THCS Mai Động-TH-THCN	Trường Tiểu học Nghĩa Dân-TH-THCN
283	TH285	Phạm Thị Hương	07/4/2002	SP	**60**	60			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Cẩm Ninh-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đặng Lễ-TH-Văn hóa
284	TH286	Phạm Thu Hương	6/7/2000	Khác	**65**	65			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Ngoại ngữ
285	TH287	Trần Thị Hương	01/5/1992	SP	**65**	65			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Ngọc Thanh-TH-GDTC	Trường Tiểu học Ngọc Thanh-TH-GDTC	Trường Tiểu học Thị trấn Lương Bằng-TH-GDTC
286	TH288	Trần Thị Hương	21/10/1984	SP	**61,7**	61,7			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Thiện Phiến-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Cương Chính-TH-Ngoại ngữ
287	TH289	Trần Thị Hương	22/9/2003	SP	**55,8**	55,8			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Quảng Châu-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Bảo Khê-TH-Văn hóa
288	TH290	Trần Thị Hương	05/02/1980	SP	**53,3**	53,3			Đại học	TB Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Tân Tiến-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Tân Tiến-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Dương Quang-TH-Ngoại ngữ
289	TH291	Vũ Thị Hương	29/10/1995	Khác	**58,3**	58,3			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Ngọc Long-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Ngọc Long-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Ngoại ngữ
290	TH292	Vũ Thị Thanh Hương	9/7/2000	SP	**67,5**	67,5			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Ngoại ngữ
291	TH293	Bồ Thị Hường	19/9/1986	Khác	**64,2**	64,2			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Đình Cao-TH-THCN	Trường Tiểu học Đình Cao-TH-THCN	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-THCN
292	TH294	Bùi Thị Hường	04/10/2000	SP	**50**	50			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Quảng Lãng-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Quảng Lãng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đặng Lễ-TH-Văn hóa
293	TH295	Đặng Thị Thu Hường	26/6/1976	SP	**42,5**	42,5			Cử nhân	TB		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Hoàng Hanh-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Thủ Sỹ-TH-Ngoại ngữ
294	TH296	Hà Thị Hường	20/8/1994	SP	**63,3**	63,3			Cử nhân	X.sắc		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Tiên Tiến-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tiên Tiến-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Minh Tiến-TH-Văn hóa
295	TH297	Lê Thị Hường	10/6/1994	SP	**60**	60			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Đức Hợp-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Nghĩa Dân-TH-Văn hóa
296	TH298	Nguyễn Thị Hường	02/12/1997	SP	**75**	75			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Yên Hoà-TH-Văn hóa
297	TH299	Nguyễn Thị Hường	15/02/1986	SP	**33,3**	33,3			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Trung Hưng-TH-Văn hóa	
298	TH300	Nguyễn Thị Thanh Hường	14/9/2001	SP	**86,7**	86,7			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Trưng Trắc-TH-Văn hóa
299	TH301	Nguyễn Thị Thu Hường	23/3/2000	SP	**65,8**	65,8			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Ngoại ngữ
300	TH302	Nguyễn Thu Hường	29/8/1987	SP	**56,7**	56,7			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Nguyễn Trãi-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Nguyễn Trãi-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Cẩm Ninh-TH-Văn hóa
301	TH303	Nguyễn Thu Hường	06/9/1993	SP	**59,2**	59,2			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Đức Hợp-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Vĩnh Xá-TH-Văn hóa
302	TH304	Trần Minh Hường	24/12/1987	SP	**66,7**	66,7			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Âm nhạc	Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Âm nhạc	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Âm nhạc
303	TH305	Trịnh Thị Hường	31/8/1981	SP	**50**	50			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Nhật Tân-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Nhật Tân-TH-Ngoại ngữ	
304	TH306	Đoàn Quốc Huy	09/8/1990	Khác	**51,7**	51,7			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học thị trấn Lương Bằng-TH-GDTC	Trường Tiểu học Thị trấn Lương Bằng-TH-GDTC	Trường Tiểu học Ngọc Thanh-TH-GDTC
305	TH307	Nguyễn Quang Huy	19/7/1987	SP	**52,5**	50	2,5	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự	Đại học	TB		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Tân Quang-TH-GDTC	Trường Tiểu học Tân Quang-TH-GDTC	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-GDTC
306	TH308	Trần Quang Huy	05/3/1994	SP	**50**	50			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Cửu Cao-TH-GDTC	Trường TH và THCS Cửu Cao-TH-GDTC	Trường TH và THCS Tô Hiệu-TH-GDTC

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
307	TH309	Bùi Thị Thanh Huyền	01/4/1992	Khác	**33,3**	33,3			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Minh Tiến-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Tống Phan-TH-Ngoại ngữ
308	TH310	Giang Thị Thanh Huyền	24/7/2003	SP		Vắng			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa
309	TH311	Hà Phương Huyền	15/8/1994	SP	**71,7**	71,7			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Lương Tài-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Văn hóa
310	TH312	Khúc Thị Huyền	17/01/1989	SP		Vắng			Cử nhân	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Lương Tài-TH-THCN	
311	TH313	Nguyễn Đỗ Thu Huyền	24/02/2003	SP	**60**	60			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Cương Chính-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Văn hóa
312	TH314	Nguyễn Ngọc Huyền	16/5/2000	SP	**44,2**	44,2			Cử nhân	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Văn hóa
313	TH315	Nguyễn Thị Huyền	07/3/2003	SP	**51,7**	51,7			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Quang Vinh-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Quang Vinh-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Nguyễn Trãi-TH-Văn hóa
314	TH317	Nguyễn Thị Huyền	03/6/2002	SP	**83,3**	83,3			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Đức Hợp-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Chính Nghĩa-TH-Văn hóa
315	TH318	Nguyễn Thị Huyền	19/10/1998	Khác	**55**	55			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Đồng Thanh-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Đồng Thanh-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Thọ Vinh-TH-Ngoại ngữ
316	TH319	Nguyễn Thị Huyền	04/9/1995	SP	**74,2**	74,2			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Minh Hoàng-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tiên Tiến-TH-Văn hóa
317	TH320	Nguyễn Thị Thanh Huyền	14/03/1995	SP	**71,7**	71,7			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Nghĩa Hiệp-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Nghĩa Hiệp-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Liêu Xá-TH-Văn hóa
318	TH321	Nguyễn Thu Huyền	20/8/2003	SP	**45,8**	45,8			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Văn hóa	
319	TH322	Nguyễn Thu Huyền	25/02/2003	SP	**50,8**	50,8			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Văn hóa
320	TH323	Phùng Thị Thanh Huyền	13/11/1996	SP	**64,2**	64,2			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Đại Tập-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Văn hóa
321	TH324	Phùng Thị Thanh Huyền	08/4/1984	SP	**49,2**	49,2			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Lương Tài-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Văn hóa
322	TH325	Tống Khánh Huyền	03/7/1998	SP	**50**	50			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Văn hóa
323	TH326	Trần Khánh Huyền	05/12/2002	SP	**88,3**	88,3			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Đình Dù-TH-Văn hóa
324	TH327	Trần Thị Huyền	08/07/1987	SP	**55,8**	55,8			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Minh Châu-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Lý Thường Kiệt-TH-Văn hóa
325	TH328	Trần Thị Huyền	14/6/1988	SP	**60,8**	60,8			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Ngọc Thanh-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Ngọc Thanh-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Thị trấn Lương Bằng-TH-Văn hóa
326	TH329	Vũ Thị Huyền	26/11/2000	Khác	**66,7**	66,7			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Minh Tiến-TH-Ngoại ngữ	
327	TH330	Trần Đăng Huyện	13/9/1989	Khác	**69,2**	69,2			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Cương Chính-TH-Ngoại ngữ	
328	TH331	Nguyễn Quốc Khánh	22/12/1996	SP	**63,3**	63,3			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Văn hóa
329	TH332	Nguyễn Văn Khánh	22/10/1976	SP	**51,7**	51,7			Cử nhân/ Thạc sĩ	TB Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Yên Hoà-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Yên Hoà-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Trung Hưng-TH-Ngoại ngữ
330	TH333	Nguyễn Thị Khuyên	25/11/1992	SP	**80**	80			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Nghĩa Dân-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Nghĩa Dân-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Toàn Thắng-TH-Văn hóa
331	TH334	Trần Thị Thanh Lam	09/7/1997	SP	**55**	55			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Phan Sào Nam-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Phan Sào Nam-TH-Văn hóa	
332	TH335	Đàm Thị Lan	15/6/2002	SP	**67,5**	67,5			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Cương Chính-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học An Viên-TH-Văn hóa

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
333	TH336	Lê Thị Lan	19/8/2001	SP	**73,3**	73,3			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Đông Kết-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đông Kết-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Văn hóa
334	TH337	Lương Thị Lan	26/3/1997	Khác	**50,8**	50,8			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV2 vào Trường Tiểu học Thụy Lôi-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Lệ Xá-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Thụy Lôi-TH-Ngoại ngữ
335	TH338	Nguyễn Ngọc Lan	07/7/1998	SP	**45,8**	45,8			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Bạch Sam-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Minh Đức-TH-Văn hóa
336	TH339	Nguyễn Thị Lan	28/01/1984	SP	**51,7**	51,7			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Nguyên Hoà-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Nguyên Hoà-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tiên Tiến-TH-Văn hóa
337	TH340	Nguyễn Thị Quý Lan	01/12/2003	SP		Vắng			Cử nhân	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Đồng Thanh-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đức Hợp-TH-Văn hóa
338	TH341	Nguyễn Thị Thảo Lan	19/05/2000	Khác	**46,7**	46,7			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Trung Hưng-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Lý Thường Kiệt-TH-Ngoại ngữ
339	TH342	Nguyễn Thị Thu Lan	13/4/1990	SP	**54,2**	54,2			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học An Viên-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học An Viên-TH-Ngoại ngữ	
340	TH343	Trịnh Hương Dạ Lan	26/12/1999	SP	**87,5**	87,5			Cử nhân	X.sắc		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Tô Hiệu-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tô Hiệu-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Văn hóa
341	TH344	Nguyễn Thế Lân	13/04/1985	SP	**66,7**	66,7			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Lý Thường Kiệt-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Lý Thường Kiệt-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Minh Châu-TH-Văn hóa
342	TH345	Phạm Thị Lân	14/7/1988	SP	**55,8**	50,8	5	Con thương binh	Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Nhật Tân-TH-THCN	Trường Tiểu học Nhật Tân-TH-THCN	Trường Tiểu học Cương Chính-TH-THCN
343	TH346	Phùng Thị Lanh	21/7/1994	SP	**45**	45			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Thành Công-TH-Văn hóa
344	TH347	Nông Thị Lê	16/8/1992	SP	**65,8**	60,8	5	Dân tộc thiểu số (Tày)	Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Thắng Lợi-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Thắng Lợi-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Văn hóa
345	TH348	Trần Thị Nhật Lệ	24/7/1998	SP	**50**	50			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Hồng Châu-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Quảng Châu-TH-Văn hóa
346	TH349	Trần Thị Nhật Lệ	13/11/1996	Khác	**50**	50			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Liên Phương-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Lam Sơn-TH-Ngoại ngữ
347	TH350	Giáp Ngọc Liên	16/12/2003	SP	**86,7**	86,7			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Thành Công-TH-Văn hóa
348	TH351	Trần Thị Liên	15/4/1988	SP	**50**	50			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Dị Chế-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Dị Chế-TH-Ngoại ngữ	
349	TH352	Vũ Thị Kim Liên	08/4/2001	SP	**65,8**	65,8			Đại học	X.sắc		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Ngoại ngữ	
350	TH353	Hoàng Thị Liền	19/1/1991	SP	**55,8**	50,8	5	Dân tộc thiểu số (Tày)	Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-GDTC	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-GDTC	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-GDTC
351	TH354	Nguyễn Thị Liễu	05/12/1987	SP	**92,5**	92,5			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Văn hóa
352	TH355	Phạm Thúy Liễu	29/8/1990	SP	**45,8**	45,8			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Hưng Đạo-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Ngô Quyền-TH-Văn hóa
353	TH356	Đặng Thị Linh	30/10/2000	Khác	**59,2**	59,2			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Bần Yên Nhân số 1-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Bần Yên Nhân Số 1-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Bần Yên Nhân-TH-Ngoại ngữ
354	TH357	Đặng Thùy Linh	20/8/2001	SP		Vắng			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Văn hóa
355	TH358	Đặng Thùy Linh	04/01/1990	Khác	**50**	50			Kỹ sư	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-THCN	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-THCN	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-THCN
356	TH359	Đỗ Thảo Linh	05/04/2001	SP	**75**	75			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Đại Tập-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Hàm Tử-TH-Văn hóa
357	TH360	Đỗ Thị Diệu Linh	16/11/2001	SP	**82,5**	82,5			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
358	TH361	Đỗ Thị Kiều Linh	08/8/2002	SP	**61,7**	61,7			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Minh Hải-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Đình Dù-TH-Văn hóa
359	TH362	Doãn Thùy Linh	06/4/2002	SP	**63,3**	63,3			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Nhật Quang-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Nhật Quang-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Văn hóa
360	TH363	Dương Thùy Linh	10/9/1998	SP	**51,7**	51,7			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Văn hóa
361	TH364	Hà Thị Mỹ Linh	23/6/2001	SP	**83,3**	83,3			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Đại Tập-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Đại Tập-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Văn hóa
362	TH365	Hoàng Thị Linh	21/5/1985	Khác	**69,2**	64,2	5	Con thương binh	Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Nhật Tân-TH-THCN	
363	TH366	Hoàng Thị Mỹ Linh	12/02/1998	Khác	**59,2**	59,2			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Phạm Ngũ Lão-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Phạm Ngũ Lão-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Thị trấn Lương Bằng-TH-Ngoại ngữ
364	TH367	Khuất Diệu Linh	13/12/2003	SP	**56,7**	56,7			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Minh Hải-TH-Văn hóa
365	TH368	Lê Thị Hoài Linh	08/05/2002	SP	**93,3**	93,3			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Thành Công-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Thành Công-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Văn hóa
366	TH369	Lê Thị Thùy Linh	30/05/2000	Khác	**44,2**	44,2			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Yên Phú-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Ngoại ngữ
367	TH370	Lương Thị Phương Linh	28/01/2003	SP	**80,8**	80,8			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Văn hóa
368	TH371	Ngô Thị Ngọc Linh	20/9/2002	SP		Vắng			Đại học	X.sắc		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Liên Phương-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Bảo Khê-TH-Ngoại ngữ
369	TH372	Nguyễn Bảo Linh	06/01/2002	SP	**45**	45			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Thắng Lợi-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Văn hóa
370	TH373	Nguyễn Diệu Linh	20/10/2003	SP	**89,2**	89,2			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Long Hưng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Long Hưng-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tô Hiệu-TH-Văn hóa
371	TH374	Nguyễn Diệu Linh	27/02/1998	SP	**89,2**	89,2			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa	
372	TH375	Nguyễn Khánh Linh	16/09/2003	SP	**90**	90			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Thanh Long-TH-Văn hóa
373	TH376	Nguyễn Khánh Linh	20/10/2003	SP	**50**	50			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Nhật Tân-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Nhật Tân-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Ngô Quyền-TH-Văn hóa
374	TH377	Nguyễn Thị Hải Linh	08/7/2003	SP		Vắng			Cử nhân	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Quang-TH-Văn hóa
375	TH378	Nguyễn Thị Khánh Linh	22/6/2001	SP	**53,3**	53,3			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa
376	TH379	Nguyễn Thị Nhật Linh	23/6/2001	SP	**80**	80			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Phan Đình Phùng-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Bần Yên Nhân-TH-Văn hóa
377	TH380	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	17/4/2001	SP	**56,7**	56,7			Đại học	X.sắc		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Thuần Hưng-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Thuần Hưng-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Thành Công-TH-Văn hóa
378	TH381	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	02/02/1998	SP	**60,8**	60,8			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Thắng Lợi-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tô Hiệu-TH-Văn hóa
379	TH382	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	04/9/2003	SP	**45**	45			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Long Hưng-TH-Văn hóa
380	TH383	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	28/11/2001	Khác	**75**	75			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Mễ Sở-TH-Ngoại ngữ
381	TH384	Nguyễn Thuỳ Linh	20/9/2001	SP	**50**	50			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Tân Tiến-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tân Tiến-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Long Hưng-TH-Văn hóa
382	TH385	Nguyễn Thùy Linh	06/02/2003	SP	**66,7**	66,7			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đồng Than-TH-Văn hóa
383	TH386	Phạm Thuỳ Linh	07/7/2000	SP	**45**	45			Cử nhân	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Văn hóa	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
384	TH387	Phạm Thùy Linh	28/07/1991	Khác	**91,7**	91,7			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Hoàn Long-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Hoàn Long-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Yên Phú-TH-Ngoại ngữ
385	TH388	Quách Thị Thùy Linh	01/7/2001	SP	**65,8**	65,8			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Ngô Quyền-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Ngô Quyền-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Thị trấn Vương-TH-Văn hóa
386	TH389	Tạ Khánh Linh	18/11/2000	SP	**67,5**	67,5			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Văn hóa
387	TH390	Tô Khánh Linh	16/8/2003	SP	**84,2**	84,2			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Văn hóa
388	TH391	Vũ Thị Linh	16/11/2000	SP	**83,3**	83,3			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Đại Tập-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Đại Tập-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Châu-TH-Văn hóa
389	TH392	Vương Thảo Linh	01/3/2001	SP	**89,2**	89,2			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Minh Hải-TH-Văn hóa
390	TH393	Đỗ Thị Lĩu	25/5/1986	SP	**73,3**	73,3			Đại học	TB Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Cương Chính-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Cương Chính-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Thụy Lôi-TH-Ngoại ngữ
391	TH394	Bùi Thị Thu Loan	09/11/1995	SP	**57,5**	57,5			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Thắng Lợi-TH-Văn hóa
392	TH395	Cao Thị Hồng Loan	05/02/1997	SP	**55**	55			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Ngoại ngữ
393	TH396	Phạm Thị Loan	27/8/1999	SP	**41,7**	41,7			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Lương Tài-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Văn hóa
394	TH397	Vũ Thị Bích Loan	12/09/2002	SP	**44,2**	44,2			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Hoàn Long-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Yên Phú-TH-Ngoại ngữ
395	TH398	Vũ Thị Loan	01/11/1991	SP	**61,7**	61,7			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV2 vào Trường Tiểu học Minh Tiến-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Cương Chính-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Minh Tiến-TH-Ngoại ngữ
396	TH399	Phan Thị Loát	04/12/1988	SP	**49,2**	49,2			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Đồng Than-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Thanh Long-TH-Ngoại ngữ
397	TH400	Đoàn Mạnh Long	15/9/1995	SP	**50**	50			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Tam Đa-TH-GDTC	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-GDTC	Trường TH và THCS Nguyên Hoà-TH-GDTC
398	TH401	Phạm Nhật Long	02/9/2000	Khác	**60,8**	60,8			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Tân Quang-TH-THCN	Trường Tiểu học Tân Quang-TH-THCN	Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-THCN
399	TH402	Trần Thanh Long	24/01/1995	SP	**65**	65			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Văn hóa
400	TH403	Vũ Đình Long	07/4/1992	SP	**50**	50			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Hồng Tiến-TH-GDTC	Trường Tiểu học Hồng Tiến-TH-GDTC	Trường Tiểu học An Vĩ-TH-GDTC
401	TH404	Lê Thị Lụ	17/03/1988	SP	**86,7**	86,7			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa
402	TH405	Cấn Thị Lụa	04/8/1990	SP	**76,7**	76,7			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Thành Công-TH-Văn hóa
403	TH406	Chu Thị Lựa	30/11/1987	SP	**65**	60	5	Con thương binh	Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Lệ Xá-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Lệ Xá-TH-Ngoại ngữ	
404	TH407	Hoàng Thị Huyền Lương	05/11/1997	SP	**43,3**	43,3			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Phùng Hưng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Thị trấn Vương-TH-Văn hóa
405	TH408	Hoa Thị Luyến	03/10/1990	SP	**50,8**	50,8			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Minh Phượng-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Minh Phượng-TH-Ngoại ngữ	
406	TH409	Đỗ Thị Luyện	31/3/2003	SP		Vắng			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Trưng Trắc-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa
407	TH410	Đoàn Thị Khánh Ly	01/10/1997	SP	**53,3**	53,3			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Văn hóa
408	TH411	Nguyễn Khánh Ly	14/12/1998	SP	**89,2**	89,2			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Long Hưng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Long Hưng-TH-Văn hóa	
409	TH412	Nguyễn Thị Hồng Ly	04/6/2002	SP		Vắng			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Văn hóa

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
410	TH413	Nguyễn Thị Khánh Ly	04/01/2000	SP	**48,3**	48,3			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Bình Minh-TH-Văn hóa	
411	TH414	Nguyễn Thị Ly	02/12/1996	SP	**60**	60			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Đại Tập-TH-Văn hóa
412	TH415	Nhâm Thị Cẩm Ly	04/12/2002	SP	**49,2**	49,2			Cử nhân	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Thắng Lợi-TH-Văn hóa
413	TH416	Trần Hương Ly	03/11/2002	SP	**85**	85			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Chỉ Đạo-TH-Văn hóa
414	TH417	Đinh Thị Mai	17/01/1989	SP	**77,5**	77,5			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Đức Hợp-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Thị trấn Lương Bằng-TH-Văn hóa
415	TH418	Đỗ Thị Mai	27/8/1979	SP	**53,3**	53,3			Cử nhân	TB Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Lam Sơn-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Lam Sơn-TH-Ngoại ngữ	
416	TH419	Hoàng Thị Ngọc Mai	25/08/2002	SP	**63,3**	63,3			Cử nhân	X.sắc		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Yên Phú-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Yên Phú-TH-Văn hóa	
417	TH420	Lê Hồng Mai	03/7/1992	SP		Vắng			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Tân Tiến-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Thắng Lợi-TH-Văn hóa
418	TH421	Lê Quỳnh Mai	16/03/2001	Khác	**44,2**	44,2			Đại học	TB		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Yên Phú-TH-Ngoại ngữ
419	TH422	Lê Thị Ngọc Mai	02/11/2003	SP	**65**	65			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Trung Dũng-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Trung Dũng-TH-Văn hóa	
420	TH423	Lưu Hồ Quỳnh Mai	04/9/2003	SP	**55**	55			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Ngọc Long-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Ngọc Long-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Văn hóa
421	TH424	Ngô Thúy Mai	14/10/2003	SP	**85**	85			Cử nhân	X.sắc		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Văn hóa
422	TH425	Nguyễn Ngọc Mai	09/02/1994	SP		Vắng			Cử nhân	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Thắng Lợi-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Văn hóa
423	TH426	Nguyễn Thị Thanh Mai	13/10/2002	SP	**68,3**	68,3			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Bảo Khê-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Bảo Khê-TH-Ngoại ngữ	
424	TH427	Phạm Thị Mai	10/6/1988	SP	**64,2**	64,2			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Dân Tiến-TH-THCN	Trường Tiểu học Dân Tiến-TH-THCN	Trường Tiểu học Yên Phú-TH-THCN
425	TH428	Phạm Thị Mai	02/8/1977	Khác	**73,3**	68,3	5	Con thương binh	Đại học	TB Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Phụng Công-TH-Ngoại ngữ
426	TH429	Trần Nhật Mai	24/10/2003	SP	**55**	55			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Phùng Chí Kiên-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Phùng Chí Kiên-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Bạch Sam-TH-Văn hóa
427	TH430	Trần Thị Phương Mai	22/07/1997	SP		Vắng			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Liêu Xá-TH-Văn hóa
428	TH431	Vi Thị Mai	12/03/2002	SP	**56,7**	51,7	5	Dân tộc thiểu số (Nùng)	Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đồng Than-TH-Văn hóa
429	TH432	Vũ Thị Bông Mai	11/8/2001	SP		Vắng			Cử nhân	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Văn hóa
430	TH433	Vũ Thị Ngọc Mai	27/06/2002	SP	**82,5**	82,5			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Đồng Than-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đồng Than-TH-Văn hóa	
431	TH434	Bùi Thị Mận	06/10/1990	Khác	**60,8**	60,8			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Đình Cao-TH-THCN	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-THCN
432	TH435	Đỗ Đắc Mạnh	23/6/1998	SP	**64,2**	64,2			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Đông Kết-TH-GDTC	Trường Tiểu học Đông Kết-TH-GDTC	Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-GDTC
433	TH436	Trịnh Thế Mạnh	29/09/1987	SP		Vắng			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-GDTC	
434	TH437	Nguyễn Thị Hồng Mậu	15/8/1978	Khác	**50,8**	50,8			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Ngoại ngữ
435	TH438	Đinh Thị Mến	03/02/1997	SP	**80**	75	5	Dân tộc thiểu số (Mường)	Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Cương Chính-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Cương Chính-TH-Văn hóa	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
436	TH439	Hoàng Thị Mến	22/9/1995	SP	**86,7**	81,7	5	Dân tộc thiểu số (Nùng)	Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Lương Tài-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Lương Tài-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Quang-TH-Văn hóa
437	TH440	Nguyễn Thị Mến	13/11/1985	SP	**90**	90			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Đức Hợp-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đức Hợp-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Phú Thịnh-TH-Văn hóa
438	TH441	Nghiêm Thị Mi	05/8/2003	SP	**60,8**	60,8			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Đào Dương-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đào Dương-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Bãi Sậy-TH-Văn hóa
439	TH442	Nguyễn Thị Trà Mi	06/7/1998	SP	**51,7**	51,7			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Ngoại ngữ
440	TH443	Nguyễn Thị Trà Mi	22/11/1998	SP	**52,5**	52,5			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa
441	TH444	Hoàng Thị Miền	05/5/1995	Khác	**72,5**	72,5			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Ngoại ngữ
442	TH445	Bùi Thị Ngọc Minh	25/10/2001	SP	**51,7**	51,7			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Dương Quang-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Dương Quang-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Phùng Chí Kiên-TH-Văn hóa
443	TH446	Nguyễn Thị Mơ	16/9/2001	SP	**74,2**	74,2			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa
444	TH447	Nguyễn Thị Mộng	25/02/1987	Khác	**48,3**	48,3	5	Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-THCN	Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-THCN
445	TH448	Phạm Thị Ngọc Mùi	09/9/2003	SP	**61,7**	61,7			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Hoàng Hoa Thám-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Hoàng Hoa Thám-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Quang Vinh-TH-Văn hóa
446	TH449	Nguyễn Thị Trà My	10/11/1999	SP		Vắng			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Minh Hải-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa
447	TH450	Trần Trà My	21/11/1995	SP	**49,2**	49,2			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Tân Châu-TH-Âm nhạc	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Âm nhạc
448	TH451	Nguyễn Sỹ Nam	12/06/1986	SP	**33,3**	33,3			Cử nhân	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Đồng Than-TH-GDTC	
449	TH452	Đỗ Thị Mỹ Nga	12/3/1992	SP	**65,8**	65,8			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Liên Nghĩa-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Mễ Sở-TH-Văn hóa
450	TH453	Đỗ Thị Nga	01/01/2001	SP	**89,2**	89,2			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Trưng Trắc-TH-Văn hóa
451	TH454	Hoàng Thị Nga	10/11/1996	SP	**72,5**	72,5			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Ngoại ngữ
452	TH455	Lương Quỳnh Nga	01/11/2001	SP		Vắng			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Văn hóa
453	TH456	Ngô Thị Tuyết Nga	03/10/1978	SP	**69,2**	64,2	5	Con thương binh 1/4	Cử nhân	TB		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Thiện Phiến-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Thiện Phiến-TH-Ngoại ngữ	
454	TH457	Nguyễn Thị Nguyệt Nga	14/4/2001	SP	**50**	50			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa
455	TH458	Nguyễn Thị Phương Nga	10/3/1997	SP	**57,5**	57,5			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Bình Minh-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Bình Minh-TH-Văn hóa	
456	TH459	Nguyễn Thùy Nga	8/11/1997	SP	**60,8**	60,8			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Tân Quang-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa
457	TH460	Trần Phương Nga	23/12/2001	SP	**75,8**	75,8			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Hoà Phong-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Bần Yên Nhân Số 1-TH-Văn hóa
458	TH461	Trịnh Thị Thuý Nga	15/12/1996	SP	**62,5**	62,5			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Long Hưng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Văn hóa
459	TH462	Vũ Thị Nga	09/4/2000	SP	**44,2**	44,2			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
460	TH463	Bồ Thị Kim Ngân	31/8/1976	SP	**60**	60			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Quảng Châu-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Hồng Châu-TH-Văn hóa
461	TH464	Cao Thị Ngân	12/01/1994	Khác		Vắng			Đại học	TB		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Minh Hải-TH-THCN	Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-THCN
462	TH465	Đỗ Thúy Ngân	20/5/2002	SP		Vắng			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa
463	TH466	Hoàng Thị Ngân	08/12/1994	Khác	**57,5**	57,5			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-THCN	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-THCN	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-THCN
464	TH467	Nguyễn Thị Ngân	27/03/1998	Khác	**59,2**	59,2			Đại học	TB		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Yên Phú-TH-Ngoại ngữ
465	TH468	Nguyễn Thị Thúy Ngân	01/11/1997	SP	**64,2**	64,2			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Đức Hợp-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Phú Thịnh-TH-Văn hóa
466	TH469	Phạm Thị Ngần	25/11/2001	SP	**62,5**	62,5			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Đức Hợp-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Vũ Xá-TH-Văn hóa
467	TH470	Nguyễn Thị Ngát	24/6/1999	SP	**47,5**	47,5			Cử nhân	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Lương Tài-TH-Văn hóa
468	TH471	Cao Thị Hồng Ngọc	13/3/2003	SP	**53,3**	53,3			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV2 vào Trường Tiểu học Bắc Sơn-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Nghĩa Dân-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Bắc Sơn-TH-Văn hóa
469	TH472	Đặng Minh Ngọc	28/8/2003	SP	**78,3**	78,3			Đại học	X.sắc		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Nghĩa Dân-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Phạm Ngũ Lão-TH-Văn hóa
470	TH473	Hoàng Thị Hồng Ngọc	24/11/2003	SP		Vắng			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Đại Tập-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Thành Công-TH-Văn hóa
471	TH474	Lỗ Hoài Ngọc	26/11/2003	SP	**78,3**	78,3			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Long Hưng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Minh Hải-TH-Văn hóa
472	TH475	Nguyễn Thị Ngọc	05/11/1997	SP	**50**	50			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Tân Châu-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Đại Tập-TH-Văn hóa
473	TH476	Nguyễn Thị Ngọc	09/1/2003	SP	**89,2**	89,2			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa
474	TH477	Trần Bảo Ngọc	28/9/2003	SP	**68,3**	68,3			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-THCN	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-THCN	Trường Tiểu học Minh Hải-TH-THCN
475	TH478	Võ Phùng Bảo Ngọc	20/10/2003	SP	**79,2**	79,2			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Minh Đức-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Minh Đức-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Hoà Phong-TH-Văn hóa
476	TH479	Vũ Thị Hồng Ngọc	10/6/2003	SP	**56,7**	56,7			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Ông Đình-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Ông Đình-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Văn hóa
477	TH480	Đào Thị Ngọt	29/10/1996	SP	**52,5**	52,5			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Hiệp Cường-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Hiệp Cường-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Phú Thịnh-TH-Văn hóa
478	TH481	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	01/5/1995	SP	**65,8**	65,8			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Phù Ủng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Phù Ủng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Bắc Sơn-TH-Văn hóa
479	TH482	Đoàn Thị Minh Nguyệt	15/12/2003	SP	**61,7**	61,7			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Văn hóa
480	TH483	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	06/3/1998	Khác	**52,5**	52,5			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Phùng Chí Kiên-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Phùng Chí Kiên-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Nhân Hoà-TH-Ngoại ngữ
481	TH484	Nguyễn Thị Nguyệt	18/02/2000	SP	**47,5**	47,5			Cử nhân	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Văn hóa
482	TH485	Nguyễn Thị Như Nguyệt	22/10/2003	SP	**80**	80			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Văn hóa
483	TH486	Chu Thanh Nhài	09/4/1989	SP	**59,2**	59,2			Cử nhân	TB Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Văn hóa
484	TH487	Lê Thị Nhàn	21/01/1984	SP	**50**	50			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Tân Châu-TH-Âm nhạc	Trường Tiểu học Dân Tiến-TH-Âm nhạc
485	TH488	Nguyễn Thị Thanh Nhàn	26/2/1997	SP	**45,8**	45,8			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Bắc Sơn-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Bãi Sậy-TH-Văn hóa

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
486	TH489	Vũ Thị Nhàn	06/02/1986	Khác	**63,3**	63,3			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Ngoại ngữ
487	TH490	Vũ Thị Nhàn	01/6/1995	SP	**40**	40			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Văn hóa
488	TH491	Đào Thị Nhinh	13/9/1988	SP	**51,7**	51,7			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Minh Hải-TH-GDTC	Trường Tiểu học Minh Hải-TH-GDTC	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-GDTC
489	TH492	Hoàng Thị Hồng Nhinh	28/01/2002	SP	**65**	65			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Việt Hoà-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Việt Hoà-TH-Ngoại ngữ	
490	TH493	Đặng Thị Như	20/9/1994	SP	**52,5**	52,5			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV2 vào Trường Tiểu học Liên Phương-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Lam Sơn-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Liên Phương-TH-Ngoại ngữ
491	TH494	Bùi Thị Hồng Nhung	03/12/2001	Khác	**70,8**	70,8			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Ngoại ngữ	
492	TH495	Đỗ Thị Phi Nhung	12/8/2000	Khác	**61,7**	61,7			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Phụng Công-TH-Ngoại ngữ
493	TH496	Kim Thị Hồng Nhung	28/5/2002	SP	**61,7**	61,7			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Lương Tài-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Minh Hải-TH-Văn hóa
494	TH497	Mai Thị Nhung	09/8/1988	SP	**73,3**	73,3			Cử nhân	X.sắc		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Ngô Quyền-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Ngô Quyền-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Thị trấn Vương-TH-Văn hóa
495	TH498	Mai Thị Thuỳ Nhung	28/10/2003	SP	**65**	65			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Quảng Châu-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Quảng Châu-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Hồng Châu-TH-Văn hóa
496	TH499	Nguyễn Thị Hồng Nhung	22/12/1997	SP	**55**	55			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Tháng Lợi-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Long Hưng-TH-Văn hóa
497	TH500	Phạm Thị Nhung	11/02/1992	SP	**80**	80			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Nguyên Hoà-TH-Văn hóa
498	TH501	Vũ Hồng Nhung	06/01/2003	SP	**76,7**	76,7			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Hoà Phong-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Hoà Phong-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Phùng Chí Kiên-TH-Văn hóa
499	TH502	Vương Hồng Nhung	10/12/1996	SP	**50,8**	50,8			Cử nhân			Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Thọ Vinh-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Thọ Vinh-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Ngọc Thanh-TH-Văn hóa
500	TH503	Dương Khánh Ni	01/12/1992	SP	**67,5**	67,5			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Tân Quang-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Văn hóa
501	TH504	Đào Thị Hải Ninh	05/9/1979	SP		Vắng			Đại học	TB		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Liên Phương-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Thủ Sỹ-TH-Ngoại ngữ
502	TH505	Đinh Thảo Ninh	03/11/1994	SP	**50**	50			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học thị trấn Văn Giang-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Tân Tiến-TH-Ngoại ngữ
503	TH506	Trần Thị Nụ	04/7/1997	SP	**53,3**	53,3			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học thị trấn Văn Giang-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Phụng Công-TH-Ngoại ngữ
504	TH507	Đinh Thị Kiều Oanh	07/10/2003	SP	**65**	65			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Văn hóa	
505	TH508	Lê Kiều Oanh	17/07/1996	SP	**46,7**	46,7			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Đại Tập-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Châu-TH-Văn hóa
506	TH509	Nguyễn Kiều Oanh	29/01/1998	SP		Vắng			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa
507	TH510	Nguyễn Thị Oanh	12/01/1995	SP	**56,7**	56,7			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Văn hóa
508	TH511	Phạm Thị Kim Oanh	06/10/1996	SP		Vắng			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Đức Hợp-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Đồng Thanh-TH-Văn hóa
509	TH512	Nguyễn Thị Oánh	08/3/1985	SP	**90,8**	90,8			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Văn hóa	
510	TH513	Nguyễn Hồng Phi	19/4/1995	SP	**50,8**	50,8			Cử nhân	X.sắc		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Văn hóa

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
511	TH514	Nguyễn Thị Phi	01/07/1984	SP	45,8	45,8			Cử nhân	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Văn hóa	
512	TH515	Bùi Thị Bích Phương	02/10/2000	SP		Vắng			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đại Hưng-TH-Văn hóa
513	TH516	Đặng Hà Phương	01/11/2000	SP	69,2	69,2			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Lương Tài-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Minh Hải-TH-Văn hóa
514	TH517	Đào Ngọc Phương	24/04/1984	SP	50,8	50,8			ĐHSP	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Thuần Hưng-TH-Văn hóa	
515	TH518	Đoàn Lê Phương	20/05/2003	SP		Vắng			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Văn hóa
516	TH519	Hồ Xuân Phương	17/04/1996	SP	46,7	46,7			Cử nhân	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Yên Phú-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Hoàn Long-TH-Ngoại ngữ
517	TH520	Hoàng Mai Phương	18/12/1994	SP	92,5	92,5			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Thành Công-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Thành Công-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Đại Tập-TH-Văn hóa
518	TH521	Hoàng Thu Phương	12/6/2002	SP	86,7	86,7			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Minh Hải-TH-Văn hóa
519	TH522	Lê Thị Hồng Phương	07/6/2000	Khác	50,8	50,8			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Ngoại ngữ
520	TH523	Lưu Thị Phương	25/07/1995	Khác	60	60			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Ngoại ngữ	
521	TH524	Luyện Minh Phương	27/09/1999	SP	61,7	61,7			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Âm nhạc	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Âm nhạc	Trường TH và THCS Tân Việt-TH-Âm nhạc
522	TH525	Nguyễn Hoài Phương	11/02/2002	SP	55	55			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Bắc Sơn-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Bắc Sơn-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Phù Ủng-TH-Văn hóa
523	TH526	Nguyễn Lan Phương	30/05/2001	SP	51,7	51,7			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Đại Hưng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đại Hưng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Phùng Hưng-TH-Văn hóa
524	TH527	Nguyễn Mai Phương	5/11/2003	SP	65	65			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Văn hóa
525	TH528	Nguyễn Phạm Mai Phương	18/12/2003	SP		Vắng			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa
526	TH529	Nguyễn Thị Phương	22/7/1999	SP	56,7	56,7			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Nguyên Hoà-TH-Văn hóa
527	TH530	Nguyễn Thị Phương	10/4/2001	SP		Vắng			Cử nhân	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Tân Quang-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Trưng Trắc-TH-Văn hóa
528	TH531	Nguyễn Thị Phương	28/5/1990	SP	50	50			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Lương Tài-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Văn hóa
529	TH532	Nguyễn Thị Thu Phương	07/08/2002	SP	82,5	82,5			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Thành Công-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Thành Công-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Văn hóa
530	TH533	Nguyễn Thu Phương	12/3/2002	SP	76,7	76,7			Đại học	X.sắc		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Đại Tập-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Văn hóa
531	TH534	Nguyễn Vũ Ngọc Phương	20/9/1995	SP	80,8	80,8			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Quảng Châu-TH-THCN	Trường Tiểu học Quảng Châu-TH-THCN	Trường Tiểu học Trung Nghĩa-TH-THCN
532	TH535	Phạm Thị Phương	10/9/1999	Khác	50,8	50,8			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Ngọc Lâm-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Ngọc Lâm-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Minh Đức-TH-Ngoại ngữ
533	TH536	Phạm Thu Phương	17/11/2001	SP	91,7	91,7			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Minh Hải-TH-Văn hóa
534	TH537	Trần Lan Phương	25/11/2002	SP	85	85			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Quang Hưng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Quang Hưng-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tiên Tiến-TH-Văn hóa
535	TH538	Trần Thị Phương	23/11/1997	SP	61,7	61,7			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Tân Châu-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Châu-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đông Kết-TH-Văn hóa
536	TH539	Trần Thu Phương	06/10/2001	SP	55	55			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Văn hóa

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
537	TH540	Vũ Hà Phương	14/10/2000	SP	**80,8**	80,8			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Quang-TH-Văn hóa
538	TH541	Vũ Hạnh Phương	12/8/2001	SP	**94,2**	94,2			Cử nhân	X.sắc		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học thị trấn Văn Giang-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Long Hưng-TH-Văn hóa
539	TH542	Vũ Mai Phương	14/11/2003	SP	**66,7**	66,7			Cử nhân	X.sắc		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Long Hưng-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tô Hiệu-TH-Văn hóa
540	TH543	Nguyễn Mùi Phượng	02/10/1991	Khác	**61,7**	61,7			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Cương Chính-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Lệ Xá-TH-Ngoại ngữ
541	TH544	Nguyễn Thị Phượng	12/02/1991	SP	**46,7**	46,7			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Dân Tiến-TH-THCN	Trường TH và THCS Đồng Tiến-TH-THCN
542	TH545	Phạm Thị Phượng	30/8/1991	SP	**67,5**	67,5			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Văn hóa
543	TH546	Chu Thị Quế	01/11/1996	Khác	**59,2**	59,2			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Cẩm Xá-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Cẩm Xá-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Nhân Hoà-TH-Ngoại ngữ
544	TH547	Đỗ Thị Quế	18/5/1985	Khác		Vắng			Đại học	TB		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-THCN	Trường Tiểu học Đoàn Đào-TH-THCN
545	TH548	Phạm Minh Quốc	03/01/1996	SP	**50,8**	50,8			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Dân Tiến-TH-GDTC	Trường Tiểu học Dân Tiến-TH-GDTC	Trường Tiểu học Đông Kết-TH-GDTC
546	TH549	Lưu Hồng Quý	02/12/2003	SP	**47,5**	47,5			Cử nhân	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Yên Phú-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Liêu Xá-TH-Văn hóa
547	TH550	Trần Đức Quý	05/12/1999	SP	**48,3**	48,3			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Ngọc Long-TH-Ngoại ngữ
548	TH551	Vũ Thị Quý	05/9/1981	SP	**35,8**	35,8			Cử nhân	TB Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Thụy Lôi-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Cương Chính-TH-Ngoại ngữ
549	TH552	Đặng Thị Ngọc Quyên	12/05/2000	SP	**57,5**	57,5			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Đại Tập-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Thành Công-TH-Văn hóa
550	TH553	Nguyễn Thị Hoàng Quyên	12/02/1994	SP	**40**	40			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Văn hóa
551	TH554	Nguyễn Thị Quyên	20/10/1994	SP	**81,7**	81,7			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Minh Tiến-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Minh Tiến-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Nhật Quang-TH-Ngoại ngữ
552	TH555	Phạm Thị Quyên	14/12/1988	SP	**35,8**	35,8			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Hưng Đạo-TH-Văn hóa	
553	TH556	Đỗ Như Quỳnh	25/01/1998	SP		Vắng			Đại học/ Thạc sĩ	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Thắng Lợi-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Văn hóa
554	TH557	Đỗ Phượng Quỳnh	23/9/1994	SP	**55**	55			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tô Hiệu-TH-Văn hóa
555	TH558	Đỗ Thị Quỳnh	24/11/1987	SP	**90,8**	90,8			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Cương Chính-TH-THCN	Trường Tiểu học Cương Chính-TH-THCN	Trường Tiểu học An Viên-TH-THCN
556	TH559	Đồng Như Quỳnh	31/3/2003	SP		Vắng			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Đức Hợp-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Phú Thịnh-TH-Văn hóa
557	TH560	Dương Như Quỳnh	30/01/2002	SP	**55**	55			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Minh Hải-TH-Văn hóa
558	TH561	Dương Thị Quỳnh	12/09/1981	SP	**35**	35	5	Con đẻ của người hoạt động cách mạng nhiễm chất độc hóa học	Cử nhân	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Văn hóa
559	TH562	Hoàng Thị Thuý Quỳnh	30/10/2003	SP	**91,7**	91,7			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Văn hóa
560	TH563	Lê Diễm Quỳnh	15/09/2003	SP	**89,2**	89,2			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Trung Hưng-TH-Văn hóa

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
561	TH564	Lê Diệu Quỳnh	24/8/2003	SP	**66,7**	61,7	5	Con của người được hưởng chính sách như thương binh	Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Cẩm Ninh-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Cẩm Ninh-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Nguyễn Trãi-TH-Văn hóa
562	TH565	Lê Thị Diễm Quỳnh	01/01/2001	SP	**93,3**	93,3			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Thành Công-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Thành Công-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Văn hóa
563	TH566	Lê Thúy Quỳnh	03/8/1995	SP	**82,5**	82,5			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Văn hóa	
564	TH567	Nguyễn Thị Ánh Quỳnh	02/3/2002	SP		Vắng			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Liên Nghĩa-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Cương Chính-TH-Văn hóa
565	TH568	Nguyễn Thị Quỳnh	21/8/2003	SP	**93,3**	93,3			Cử nhân	X.sắc		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Nguyên Hoà-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Nguyên Hoà-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Văn hóa
566	TH569	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	16/8/1999	SP	**54,2**	54,2			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Phạm Ngũ Lão-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Phạm Ngũ Lão-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Toàn Thắng-TH-Văn hóa
567	TH570	Phạm Thị Hương Quỳnh	14/1/1997	SP	**53,3**	53,3			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Ngoại ngữ
568	TH571	Trịnh Thị Ngọc Quỳnh	19/4/1988	Khác	**75,8**	75,8			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Phương Chiểu-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Phương Chiểu-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Hoàng Hanh-TH-Ngoại ngữ
569	TH572	Vũ Thị Diễm Quỳnh	25/10/2001	SP	**63,3**	63,3			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Văn hóa
570	TH573	Nguyễn Thị Sâm	20/02/1991	SP	**44,2**	44,2			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Vĩnh Xá-TH-Văn hóa	
571	TH574	Luyện Thị Sáng	14/09/1987	Khác	**47,5**	47,5			Kỹ sư	Khá		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Việt Cường-TH-THCN	Trường TH và THCS Trung Hưng-TH-THCN
572	TH575	Ngô Thị Sáp	27/8/2002	SP	**50,8**	50,8			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Đình Dù-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Đình Dù-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Trưng Trắc-TH-Văn hóa
573	TH576	Phan Thị Sen	15/3/1988	SP	**78,3**	78,3			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Ngoại ngữ
574	TH577	Nguyễn Bình Sim	14/8/1984	Khác	**30,8**	30,8			Cử nhân	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Cương Chính-TH-THCN	
575	TH578	Nguyễn Thị Sim	08/2/2001	SP		Vắng			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa
576	TH579	Nguyễn Thị Tám	05/9/1999	SP	**58,3**	58,3			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa
577	TH580	Bùi Thị Minh Tâm	18/11/2002	SP	**72,5**	72,5			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Phú Cường-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Hồng Châu-TH-Văn hóa
578	TH581	Hà Thị Tâm	16/9/1992	SP	**86,7**	86,7			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Đức Hợp-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đức Hợp-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Ngọc Thanh-TH-Văn hóa
579	TH582	Nguyễn Hoàng Nhâm Tâm	27/4/2002	SP		Vắng			Cử nhân	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tô Hiệu-TH-Văn hóa
580	TH583	Nguyễn Thị Mỹ Tâm	01/12/2003	SP	**50**	50			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Trưng Trắc-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Trưng Trắc-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Ngoại ngữ
581	TH584	Nguyễn Thị Tâm	04/10/1997	SP	**45,8**	45,8			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Hưng Đạo-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Nhật Tân-TH-Văn hóa
582	TH585	Nguyễn Thị Tâm	25/4/2002	SP	**58,3**	58,3			Đại học			Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Lương Tài-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Văn hóa
583	TH586	Nguyễn Thị Thanh Tâm	28/10/1990	SP	**58,3**	58,3			Cử nhân	X.sắc		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Minh Hoàng-TH-GDTC	Trường TH và THCS Minh Hoàng-TH-GDTC	
584	TH587	Phạm Thị Tâm	15/07/1997	Khác	**55**	55			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Ngoại ngữ	
585	TH588	Phạm Thị Thanh Tâm	20/9/1997	SP	**42,5**	42,5			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Văn hóa	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
586	TH589	Dương Ngọc Tân	13/5/2000	SP	**92,5**	92,5			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Văn hóa
587	TH590	Nguyễn Thị Tân	20/09/1989	SP	**87,5**	87,5			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Văn hóa	
588	TH591	Phùng Thị Thanh Tân	20/2/1992	SP		Vắng			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa
589	TH592	Trần Thị Thanh Tân	28/11/1983	SP	**83,3**	78,3	5	Con bệnh binh 2/3	Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV2 vào Trường Tiểu học Lệ Xá-TH-THCN	Trường Tiểu học an Viên-TH-THCN	Trường Tiểu học Lệ Xá-TH-THCN
590	TH593	Bùi Thị Hồng Thắm	04/10/1982	Khác	**59,2**	59,2			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Quang Trung-TH-THCN	Trường TH và THCS Quang Trung-TH-THCN	
591	TH594	Ngô Thị Thắm	13/02/1989	Khác	**52,5**	52,5			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Đồng Than-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Đồng Than-TH-Ngoại ngữ	
592	TH595	Trần Thị Hồng Thắm	04/08/1995	SP	**77,5**	77,5			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Đại Tập-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Thành Công-TH-Văn hóa
593	TH596	Phan Minh Thăng	27/4/1993	SP	**58,3**	53,3	5	Con bệnh binh	Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học thị trấn Văn Giang-TH-GDTC	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-GDTC	Trường TH và THCS Cửu Cao-TH-GDTC
594	TH597	Cao Văn Thắng	4/5/1986	SP	**41,7**	41,7	5	Con thương binh hạng 1/4	Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-GDTC	Trường Tiểu học Minh Hải-TH-GDTC
595	TH598	Đinh Nguyễn Đức Thắng	22/7/2000	SP	**51,7**	51,7			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Tân Quang-TH-GDTC	Trường Tiểu học Tân Quang-TH-GDTC	Trường Tiểu học Nhật Tân-TH-GDTC
596	TH599	Hoàng Phương Thanh	14/10/2003	SP		Vắng			Cử nhân	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Minh Hải-TH-Văn hóa
597	TH600	Nguyễn Thị Thanh	06/10/2001	SP	**53,3**	53,3			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Dạ Trạch-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Dạ Trạch-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Văn hóa
598	TH601	Nguyễn Thị Thanh	26/5/1990	SP	**51,7**	51,7			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Hùng An-TH-GDTC	Trường TH và THCS Hùng An-TH-GDTC	Trường Tiểu học Ngọc Thanh-TH-GDTC
599	TH602	Nguyễn Thị Vân Thanh	16/10/2003	SP	**58,3**	58,3			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Minh Hải-TH-Văn hóa
600	TH603	Phạm Thị Huyền Thanh	25/11/1983	SP	**56,7**	51,7	5	Con thương binh	Cử nhân	TB Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Hùng Cường-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Hùng Cường-TH-Ngoại ngữ	
601	TH604	Tạ Thị Thanh	09/6/1995	SP	**54,2**	54,2			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Mỹ thuật	Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Mỹ thuật	Trường TH và THCS Chí Tân-TH-Mỹ thuật
602	TH605	Đặng Thu Thảo	17/01/2001	SP	**55**	55			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Yên Phú-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Yên Phú-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Đồng Than-TH-Ngoại ngữ
603	TH606	Đỗ Thị Phương Thảo	26/11/2003	SP	**55**	55			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Tân Việt-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tân Việt-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Văn hóa
604	TH607	Đỗ Thu Thảo	20/10/2001	Khác	**51,7**	51,7			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học thị trấn Lương Bằng-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Thị trấn Lương Bằng-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Đồng Thanh-TH-Ngoại ngữ
605	TH608	Hà Phương Thảo	14/10/2003	SP	**65**	65			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Đức Hợp-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Đồng Thanh-TH-Văn hóa
606	TH609	Lê Phương Thảo	28/02/2002	SP		Vắng			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Dương Quang-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Minh Đức-TH-Văn hóa
607	TH610	Lê Phương Thảo	24/7/2003	SP		Vắng			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa
608	TH611	Lê Thị Bích Thảo	14/4/1988	Khác	**70**	70			Cử nhân	TB Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Quảng Châu-TH-THCN	Trường Tiểu học Hoàng Lê-TH-THCN
609	TH612	Lê Thị Phương Thảo	11/9/2002	SP	**58,3**	58,3			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Việt Hoà-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Việt Hoà-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Phùng Hưng-TH-Văn hóa
610	TH613	Lưu Thị Thu Thảo	11/02/2001	SP	**55,8**	55,8			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Văn hóa

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
611	TH614	Nguyễn Phương Thảo	14/07/1996	SP	**54,2**	54,2			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Liêu Xá-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Liêu Xá-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Nghĩa Hiệp-TH-Văn hóa
612	TH615	Nguyễn Phương Thảo	18/11/2000	SP	**41,7**	41,7			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Thắng Lợi-TH-Văn hóa
613	TH616	Nguyễn Thị Kim Thảo	24/10/1984	SP	**81,7**	76,7	5	Con thương binh	Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Lương Tài-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Văn hóa
614	TH617	Nguyễn Thị Phương Thảo	25/8/1991	SP	**68,3**	68,3			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Long Hưng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Văn hóa
615	TH618	Nguyễn Thị Thanh Thảo	16/8/2002	SP	**57,5**	57,5			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Long Hưng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Văn hóa
616	TH619	Nguyễn Thị Thảo	8/7/1993	SP	**53,3**	53,3			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Thuần Hưng-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Thuần Hưng-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Thành Công-TH-Văn hóa
617	TH620	Nguyễn Thị Thu Thảo	26/7/2001	SP	**57,5**	57,5			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Toàn Thắng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Toàn Thắng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Nghĩa Dân-TH-Văn hóa
618	TH621	Nguyễn Thị Thu Thảo	31/8/1993	SP	**88,3**	88,3			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa
619	TH622	Phạm Phương Thảo	25/10/2001	SP	**55,8**	55,8			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Toàn Thắng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Toàn Thắng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Vĩnh Xá-TH-Văn hóa
620	TH623	Phạm Thị Phương Thảo	08/04/2001	SP	**55**	55			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Văn hóa
621	TH624	Phan Thị Thu Thảo	11/08/2000	Khác	**60**	60			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Trưng Hưng-TH-Ngoại ngữ
622	TH625	Phùng Thị Thảo	20/6/1995	SP	**68,3**	68,3			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Tân Quang-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Quang-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Văn hóa
623	TH626	Quản Thị Phương Thảo	06/6/1997	Khác	**65**	65			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Tô Hiệu-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Tô Hiệu-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Ngoại ngữ
624	TH627	Trần Phương Thảo	22/02/2003	SP		Vắng			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa
625	TH628	Trần Thị Phương Thảo	21/4/1996	SP	**58,3**	58,3			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Văn hóa
626	TH629	Trần Thị Thảo	21/6/1984	SP	**43,3**	43,3			Cử nhân	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Chí Tân-TH-Mỹ thuật	
627	TH630	Trương Thị Thảo	24/12/1998	SP	**52,5**	52,5			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Lương Tài-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa
628	TH631	Vũ Thị Thanh Thảo	19/10/2000	SP	**55,8**	55,8			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Liên Phương-TH-THCN	Trường Tiểu học Liên Phương-TH-THCN	Trường TH và THCS Hồng Nam-TH-THCN
629	TH632	Vương Thị Thảo	14/4/2003	SP		Vắng			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa
630	TH633	Trần Thị Thêu	19/02/1991	Khác	**75**	75			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV2 vào Trường TH và THCS Hồng Châu-TH-THCN	Trường Tiểu học Quảng Châu-TH-THCN	Trường TH và THCS Hồng Châu-TH-THCN
631	TH634	Lê An Thi	05/8/2003	SP	**66,7**	66,7			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Văn hóa
632	TH635	Đinh Thị Thoa	15/9/2001	SP	**53,3**	53,3			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa
633	TH636	Ngô Thị Thoa	03/5/1998	SP	**68,3**	68,3			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Văn hóa
634	TH637	Nguyễn Thị Thoa	28/6/1993	Khác	**43,3**	43,3			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Minh Tiến-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Nhật Quang-TH-Ngoại ngữ
635	TH638	Nguyễn Thị Thu Thoan	05/12/1999	Khác	**61,7**	61,7			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Trưng Hưng-TH-Ngoại ngữ
636	TH639	Phạm Thị Thoan	17/10/1988	SP	**71,7**	71,7			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Đồng Tiến-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Đồng Tiến-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Việt Hoà-TH-Văn hóa

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
637	TH640	Tạ Thị Minh Thơm	24/6/1981	Khác	**54,2**	54,2			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Phương Chiểu-TH-THCN	Trường TH và THCS Phương Chiểu-TH-THCN	
638	TH641	Đặng Thị Thu	10/9/1987	Khác	**42,5**	42,5	5	Con bệnh binh 2/3 (61%)	Kỹ sư	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-THCN	Trường TH và THCS Minh Hoàng-TH-THCN
639	TH642	Dương Thị Thu	18/3/1995	SP	**65,8**	65,8			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa
640	TH643	Nguyễn Thị Thu	22/6/1980	SP	**45,8**	45,8			Cử nhân	TB Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Thị trấn Lương Bằng-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Đồng Thanh-TH-Ngoại ngữ
641	TH644	Phạm Thị Thu	31/12/1993	SP	**68,3**	68,3			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Phùng Hưng-TH-Văn hóa
642	TH645	Tạ Thị Hằng Thu	20/9/2002	SP	**60**	60			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Cương Chính-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Văn hóa
643	TH646	Trần Hương Thu	05/11/2003	SP	**91,7**	91,7			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Tân Phúc-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tân Phúc-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Vân Du-TH-Văn hóa
644	TH647	Trịnh Minh Thu	14/02/1995	SP	**64,2**	64,2			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa
645	TH648	Lê Ánh Thư	24/9/2002	SP	**55,8**	55,8			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV2 vào Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-GDTC	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-GDTC	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-GDTC
646	TH649	Lê Nguyễn Minh Thư	26/11/2003	SP	**55,8**	55,8			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Quang-TH-Văn hóa
647	TH650	Vũ Anh Thư	01/01/2003	SP	**82,5**	82,5			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Phan Đình Phùng-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Phan Đình Phùng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Hoà Phong-TH-Văn hóa
648	TH651	Hoàng Thị Thương	13/01/2001	SP	**56,7**	56,7			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Minh Châu-TH-Văn hóa
649	TH652	Nguyễn Thị Hà Thương	15/11/2002	SP		Vắng			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Lương Tài-TH-Văn hóa
650	TH653	Nguyễn Thị Hoài Thương	15/3/2003	SP	**46,7**	46,7			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-THCN	Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-THCN
651	TH654	Nguyễn Thị Thương	14/04/1991	SP		Vắng			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Toàn Thắng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Nghĩa Dân-TH-Văn hóa
652	TH655	Nguyễn Thị Thương	15/8/1992	Khác	**50,8**	50,8			Đại học	TB Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Trung Dũng-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Trung Dũng-TH-Ngoại ngữ	
653	TH656	Lê Thị Thuý	10/4/1992	SP		Vắng			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Thắng Lợi-TH-Văn hóa
654	TH657	Nguyễn Thị Thuý	20/6/1995	SP		Vắng			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Long Hưng-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tô Hiệu-TH-Văn hóa
655	TH658	Nguyễn Thị Thuý	02/7/1992	Khác	**51,7**	51,7			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Xuân Quan-TH-THCN	Trường TH và THCS Xuân Quan-TH-THCN	Trường TH và THCS Tô Hiệu-TH-THCN
656	TH659	Phan Thị Hồng Thuý	29/8/1980	SP	**53,3**	53,3			Cử nhân	TB Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Xuân Quan-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Xuân Quan-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Phụng Công-TH-Ngoại ngữ
657	TH660	Nguyễn Thị Thuỳ	28/5/2000	Khác	**77,5**	77,5			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Ngoại ngữ
658	TH661	Bùi Thị Thu Thuỷ	06/12/1993	Khác		Vắng			Đại học/ Thạc sĩ	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Ngoại ngữ
659	TH663	Nguyễn Thị Thu Thuỷ	25/5/2003	SP	**77,5**	77,5			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Văn hóa
660	TH664	Bùi Thị Thanh Thúy	20/06/2002	SP	**63,3**	63,3			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Phùng Hưng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Phùng Hưng-TH-Văn hóa	
661	TH665	Chu Thị Hải Thúy	25/02/1996	SP	**54,2**	54,2			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Văn hóa	
662	TH666	Đỗ Thị Thúy	15/7/1995	SP	**65**	65			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Đình Dù-TH-Văn hóa

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
663	TH667	Doãn Thị Thu Thủy	09/7/2003	SP	**52,5**	52,5			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Quang-TH-Văn hóa
664	TH668	Hoàng Thị Thúy	21/06/2002	SP	**50**	50			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV2 vào Trường Tiểu học Yên Phú-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Yên Hoà-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Yên Phú-TH-Ngoại ngữ
665	TH669	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	05/12/1995	SP	**57,5**	57,5			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Trung Hưng-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Trung Hưng-TH-Ngoại ngữ	
666	TH670	Nguyễn Thị Thúy	05/7/1987	SP	**61,7**	61,7			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Hồng Quang-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Hồng Quang-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Hồ Tùng Mậu-TH-Văn hóa
667	TH671	Nguyễn Thị Thúy	28/02/1995	SP	**56,7**	56,7			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Văn hóa
668	TH672	Nguyễn Thị Thúy	12/8/2002	SP	**60,8**	60,8			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Nhân Hoà-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Bản Yên Nhân-TH-Văn hóa
669	TH673	Trương Thị Thúy	01/01/1990	SP	**75**	75			Đại học/ Thạc sỹ	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Quang Trung-TH-GDTC	Trường TH và THCS Quang Trung-TH-GDTC	Trường TH và THCS Phương Chiểu-TH-GDTC
670	TH674	Nguyễn Thị Minh Thủy	26/3/2003	SP	**50**	50			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Dị Chế-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Dị Chế-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Thị trấn Vương-TH-Văn hóa
671	TH675	Phạm Thị Thủy	15/5/1993	SP	**40,8**	40,8			Cử nhân	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Cương Chính-TH-Văn hóa	
672	TH676	Đặng Thị Thủy	10/10/1992	SP	**62,5**	62,5			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Văn hóa	
673	TH677	Đào Thị Thu Thủy	13/11/2000	SP	**23,3**	23,3			Thạc sĩ	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Bản Yên Nhân-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Phùng Chí Kiên-TH-Văn hóa
674	TH678	Đinh Thị Bích Thủy	13/6/1989	SP	**69,2**	69,2			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Văn hóa
675	TH679	Lê Thị Thủy	19/4/1983	SP	**50,8**	50,8			Cử nhân	TB Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Nhật Quang-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Nhật Quang-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Minh Tiến-TH-Ngoại ngữ
676	TH680	Lưu Thị Thủy	15/7/1989	SP	**45,8**	45,8			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Thành Công-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Văn hóa
677	TH681	Nguyễn Thị Thanh Thủy	01/4/1981	SP	**38,3**	38,3	5	Con thương binh 3/4	Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Thị trấn Vương-TH-Văn hóa	
678	TH682	Nguyễn Thị Thủy	19/10/1988	SP	**46,7**	46,7			Cử nhân	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Thuần Hưng-TH-THCN	Trường Tiểu học Đại Hưng-TH-THCN
679	TH683	Phạm Thanh Thủy	01/10/2001	SP	**74,2**	74,2			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa
680	TH684	Phùng Thị Thủy	20/10/1997	SP		Vắng			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Văn hóa
681	TH685	Vũ Thị Thanh Thuyên	07/10/1996	SP	**73,3**	73,3			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Thành Công-TH-Văn hóa
682	TH686	Nguyễn Văn Tiến	01/08/1982	SP	**55**	55			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Thành Công-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đại Hưng-TH-Văn hóa
683	TH687	Đinh Thị Tình	10/03/1993	Khác	**40,8**	40,8			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Hoàn Long-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Yên Phú-TH-Ngoại ngữ
684	TH688	Nguyễn Thị Tình	13/12/1992	SP	**57,5**	57,5			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học An Viên-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học An Viên-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Ngô Quyền-TH-Văn hóa
685	TH689	Trần Văn Tới	18/4/1988	Khác	**50**	50			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Bảo Khê-TH-THCN	Trường TH và THCS Bảo Khê-TH-THCN	
686	TH690	Bùi Phương Trà	03/6/1998	SP	**54,2**	54,2			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Thắng Lợi-TH-Văn hóa

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
687	TH691	Nguyễn Thu Trà	06/10/1997	SP	**51,7**	51,7			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Long Hưng-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tân Tiến-TH-Văn hóa
688	TH692	Cao Thị Ngọc Trâm	13/11/1998	SP		Vắng			Đại học/ Thạc sĩ	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Đình Dù-TH-Văn hóa	
689	TH693	Bùi Quỳnh Trang	21/11/2003	SP	**49,2**	49,2			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Trung Nghĩa-TH-THCN	Trường Tiểu học Quảng Châu-TH-THCN
690	TH694	Bùi Thị Huyền Trang	03/12/1996	Khác	**50**	50			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Phương Chiểu-TH-GDTC	Trường TH và THCS Phương Chiểu-TH-GDTC	
691	TH695	Chu Thị Thùy Trang	16/9/2001	SP	**75,8**	75,8			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Văn hóa
692	TH696	Chu Thị Trang	24/5/1983	SP		Vắng			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa
693	TH697	Đặng Thị Thùy Trang	05/12/2002	SP	**63,3**	63,3			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Văn hóa
694	TH698	Đinh Thị Hà Trang	22/09/2003	SP	**46,7**	46,7			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa
695	TH699	Đỗ Ngọc Huyền Trang	23/01/2003	SP	**51,7**	51,7			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Long Hưng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Văn hóa
696	TH700	Đỗ Thị Thu Trang	04/12/2001	SP	**65**	65			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Văn hóa	
697	TH701	Đỗ Thị Trang	20/01/2001	SP	**50**	50			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Hàm Tử-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Hàm Tử-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Văn hóa
698	TH702	Đỗ Thị Trang	14/7/2001	SP	**51,7**	51,7			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Phụng Công-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Phụng Công-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Mễ Sở-TH-Ngoại ngữ
699	TH703	Dương Quỳnh Trang	21/9/2001	SP	**46,7**	46,7			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa
700	TH704	Dương Thị Trang	25/08/1995	SP	**65,8**	65,8			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Ngọc Long-TH-Văn hóa
701	TH705	Hoàng Thị Thu Trang	09/3/2001	SP	**55,8**	55,8			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Đặng Lễ-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đặng Lễ-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Quảng Lãng-TH-Văn hóa
702	TH706	Khuất Thị Huyền Trang	19/03/1997	SP	**51,7**	51,7			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Liêu Xá-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Văn hóa
703	TH707	Kiều Huyền Trang	10/07/2003	SP	**51,7**	51,7			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Văn hóa
704	TH708	Lê Nguyễn Quỳnh Trang	24/9/2003	SP	**45**	45			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Trưng Trắc-TH-Văn hóa
705	TH709	Lê Thị Huệ Trang	7/11/1995	SP	**65**	65			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV2 vào Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Ngoại ngữ
706	TH710	Lê Thị Huyền Trang	04/4/1996	Khác	**55,8**	55,8			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Nhật Quang-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Minh Tiến-TH-Ngoại ngữ
707	TH711	Lê Thị Huyền Trang	18/5/2000	Khác		Vắng			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Tân Tiến-TH-Ngoại ngữ
708	TH712	Lê Thị Thảo Trang	02/4/2002	SP	**60**	60			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Trưng Trắc-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Trưng Trắc-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Đình Dù-TH-Văn hóa
709	TH713	Lê Thị Thu Trang	12/02/1986	Khác	**46,7**	46,7			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Mai Động-TH-THCN	
710	TH714	Lê Thị Thùy Trang	15/10/2003	SP	**89,2**	89,2			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Văn hóa
711	TH715	Luyện Thị Huyền Trang	24/11/2002	SP	**48,3**	48,3			Cử nhân	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Trung Hưng-TH-Văn hóa

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển				Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải					
712	TH716	Nguyễn Huyền Trang	08/8/2003	SP	**86,7**	86,7			Cử nhân	Giỏi	3,23	Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Văn hóa
713	TH717	Nguyễn Quỳnh Trang	07/8/2003	SP	**80**	80			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Đại Tập-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Đại Tập-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Thành Công-TH-Văn hóa
714	TH718	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	23/12/2001	SP	**91,7**	91,7			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Văn hóa
715	TH719	Nguyễn Thị Thùy Trang	31/12/2001	Khác	**50**	50			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Ngoại ngữ
716	TH720	Nguyễn Thị Trang	26/04/1995	SP	**37,5**	37,5			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Phùng Hưng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Nhật Tân-TH-Văn hóa
717	TH721	Nguyễn Thị Trang	07/10/1993	SP	**57,5**	57,5			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Nguyên Hoà-TH-Văn hóa
718	TH722	Nguyễn Thu Trang	23/3/2003	SP		Vắng			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Văn hóa
719	TH723	Phạm Kiều Trang	14/3/1999	SP	**43,3**	43,3			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Quảng Châu-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đức Hợp-TH-Văn hóa
720	TH724	Phạm Lê Minh Trang	25/12/1995	SP	**74,2**	74,2			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Văn hóa
721	TH725	Phạm Thị Trang	20/5/1990	SP	**55,8**	55,8			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Cương Chính-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Thiện Phiến-TH-Ngoại ngữ
722	TH726	Phạm Thu Trang	27/5/1994	SP	**55,8**	55,8			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Đại Tập-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Văn hóa
723	TH727	Phạm Thu Trang	05/11/2001	Khác	**50,8**	50,8			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Hoàn Long-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Hoàn Long-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Ngoại ngữ
724	TH728	Phạm Thùy Trang	29/1/1994	SP		Vắng			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa
725	TH729	Phan Thanh Trang	20/01/2003	SP	**47,5**	47,5			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Ngọc Long-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Văn hóa
726	TH730	Phan Thị Trang	15/6/1995	SP	**51,7**	51,7			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Trần Cao-TH-GDTC	Trường Tiểu học Trần Cao-TH-GDTC	Trường TH và THCS Phan Sào Nam-TH-GDTC
727	TH731	Tào Thị Trang	04/10/1996	SP	**66,7**	66,7			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Đồng Than-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đồng Than-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Hoàn Long-TH-Văn hóa
728	TH732	Trần Diệu Trang	05/6/2003	SP	**69,2**	69,2			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Văn hóa
729	TH733	Trần Thị Kiều Trang	26/4/2000	Khác	**77,5**	77,5			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Tống Phan-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Tống Phan-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Minh Tiến-TH-Ngoại ngữ
730	TH734	Trần Thị Thu Trang	19/10/2001	SP	**84,2**	84,2			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Vĩnh Xá-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Vĩnh Xá-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Vũ Xá-TH-Văn hóa
731	TH735	Trần Thị Thuỳ Trang	24/02/1996	SP	**64,2**	64,2			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Thành Công-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Văn hóa
732	TH736	Trần Thị Trang	25/5/1987	SP	**25,8**	25,8			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Tống Phan-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Lệ Xá-TH-Ngoại ngữ
733	TH737	Trần Thuỳ Trang	23/11/1997	Khác	**75**	75			Cử nhân	X.sắc		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Phương Chiểu-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Hoàng Hanh-TH-Ngoại ngữ
734	TH738	Vũ Thị Minh Trang	28/9/1990	SP	**47,5**	47,5			Cử nhân	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Văn hóa
735	TH739	Vũ Thị Trang	29/9/1989	SP	**74,2**	74,2			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Cương Chính-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Cương Chính-TH-Văn hóa	
736	TH740	Vương Thị Thu Trang	03/5/1995	SP		Vắng	5	Dân tộc thiểu số (Tày)	Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Thành Công-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Phùng Hưng-TH-Văn hóa
737	TH741	Đỗ Phương Trinh	28/08/2001	Khác	**59,2**	59,2			Cử nhân	X.sắc		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Thanh Long-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Trung Hưng-TH-Ngoại ngữ

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
738	TH742	Trần Lê Như Trúc	28/8/2002	SP	**53,3**	53,3			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa
739	TH743	Nguyễn Thành Trung	04/4/1997	SP	**51,7**	51,7			Đại học	TB		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Xuân Quan-TH-GDTC	Trường TH và THCS Xuân Quan-TH-GDTC	
740	TH744	Nguyễn Nhật Trường	29/6/1995	Khác	**52,5**	52,5			Đại học	TB		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Ngoại ngữ
741	TH745	Đôn Thị Tú	27/8/1994	SP	**46,7**	46,7			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Mễ Sở-TH-Văn hóa
742	TH746	Nguyễn Thị Hiền Tú	14/8/1996	SP	**59,2**	59,2			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Mễ Sở-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Mễ Sở-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Thắng Lợi-TH-Văn hóa
743	TH747	Nguyễn Thị Thanh Tú	05/7/2001	SP	**68,3**	68,3			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Thắng Lợi-TH-Văn hóa
744	TH748	Lương Khai Tuệ	12/01/2003	SP	**86,7**	81,7	5	Dân tộc thiểu số (Tày)	Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Lương Tài-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Lương Tài-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Văn hóa
745	TH749	Cao Thanh Tùng	02/06/2002	SP		Vắng			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Tân Quang-TH-GDTC	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-GDTC
746	TH750	Nguyễn Thị Tươi	19/01/1999	SP	**70**	70			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Tô Hiệu-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Văn hóa
747	TH751	Phạm Thị Tươi	08/6/1991	SP	**50,8**	50,8			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Cương Chính-TH-Văn hóa	
748	TH752	Trần Thị Hồng Tươi	01/01/1991	SP	**71,7**	71,7			Đại học	X.sắc		Trúng tuyển NV2 vào Trường TH và THCS Nguyên Hoà-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Nguyên Hoà-TH-Văn hóa
749	TH753	Nguyễn Xuân Tường	19/8/1986	Khác	**53,3**	53,3			Đại học	TB Khá		Trúng tuyển NV2 vào Trường TH và THCS Minh Hoàng-TH-THCN	Trường Tiểu học Đoàn Đào-TH-THCN	Trường TH và THCS Minh Hoàng-TH-THCN
750	TH754	Từ Thị Tuyến	20/11/1997	SP	**50**	50			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Bắc Sơn-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Bắc Sơn-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đào Dương-TH-Văn hóa
751	TH755	Nguyễn Hoàng Tuyền	06/9/1984	Khác	**55,8**	55,8			Đại học/ Thạc sĩ	TB Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-THCN	Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-THCN	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-THCN
752	TH756	Hà Thị Tuyết	05/9/1989	Khác	**55,8**	55,8			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-THCN	Trường Tiểu học Đình Cao-TH-THCN
753	TH757	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	22/7/1999	SP	**64,2**	64,2			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Lệ Xá-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Lệ Xá-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Ngoại ngữ
754	TH758	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	15/4/2002	SP	**48,3**	48,3			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa
755	TH759	Nguyễn Thị Tuyết	23/5/2002	SP	**58,3**	58,3			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Quang-TH-Văn hóa
756	TH760	Phùng Thị Tuyết	05/4/1989	SP	**38,3**	38,3			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Thành Công-TH-Văn hóa
757	TH761	Lương Thị Thu Uyên	06/08/2000	SP	**50,8**	50,8			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Tân Việt-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tân Việt-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Văn hóa
758	TH762	Nguyễn Thị Uyên	13/8/2000	Khác	**55,8**	55,8			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Minh Hải-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Minh Hải-TH-Ngoại ngữ	
759	TH763	Nguyễn Thu Uyên	12/8/2000	SP	**90,8**	90,8			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Văn hóa
760	TH764	Nguyễn Tố Uyên	05/10/2003	SP	**85**	85			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Đồng Than-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đồng Than-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Văn hóa
761	TH765	Trần Tố Uyên	12/5/2001	SP	**38,3**	38,3			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Toàn Thắng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Vĩnh Xá-TH-Văn hóa
762	TH766	Bùi Thị Hồng Vân	19/3/2002	SP	**72,5**	72,5			Đại học	X.sắc		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa
763	TH767	Đào Khánh Vân	25/8/2003	SP	**80,8**	80,8			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đại Hưng-TH-Văn hóa

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
764	TH768	Đỗ Thị Vân	11/4/1983	SP		Vắng	5	Con đẻ của người kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Đại học	Khá	-	Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Cương Chính-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Minh Phượng-TH-Ngoại ngữ
765	TH769	Trần Hải Vân	01/01/1994	SP	40	40			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Thành Công-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Văn hóa
766	TH770	Vũ Thị Thùy Vân	30/7/1996	SP		Vắng			Đại học	X.sắc		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Lương Tài-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Văn hóa
767	TH771	Vũ Bích Việt	17/3/2003	SP	79,2	74,2	5	Con của người mất sức lao động được hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh	Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Văn hóa
768	TH772	Nguyễn Thị Vinh	15/02/1997	SP	65,8	65,8			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Đại Tập-TH-Văn hóa
769	TH773	Phạm Thị Xuân Vui	18/3/2003	SP	50,8	50,8			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Châu-TH-Văn hóa
770	TH774	Bùi Đăng Vương	16/3/1993	SP	50,8	50,8			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Phan Sào Nam-TH-GDTC	Trường TH và THCS Phan Sào Nam-TH-GDTC	Trường TH và THCS Minh Hoàng-TH-GDTC
771	TH775	Nguyễn Nhật Vy	27/8/2003	SP	60,8	60,8			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Thành Công-TH-Văn hóa
772	TH776	Nguyễn Thị Lan Vy	10/10/1994	SP	54,2	54,2			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Văn hóa
773	TH777	Nguyễn Thị Xuân	08/01/2001	Khác	66,7	66,7			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Tân Quang-TH-Ngoại ngữ
774	TH778	Phùng Lệ Xuân	29/11/2003	SP	60,8	60,8			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Mỹ thuật	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Mỹ thuật	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Mỹ thuật
775	TH779	Nguyễn Hữu Yên	26/12/1991	SP	64,2	59,2	5	Con thương binh thương tật 47%	Đại học	TB Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-GDTC	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-GDTC	Trường Tiểu học Minh Hải-TH-GDTC
776	TH780	Trần Thị Yên	02/12/1999	SP	55,8	55,8			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Đồng Thanh-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Đồng Thanh-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Toàn Thắng-TH-Văn hóa
777	TH781	Bùi Thị Hải Yến	16/5/1994	SP	55	55			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Tân Quang-TH-Văn hóa	
778	TH782	Đặng Thị Hải Yến	16/01/1989	SP	58,3	58,3			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Bần Yên Nhân-TH-Mỹ thuật	Trường TH và THCS Bần Yên Nhân-TH-Mỹ thuật	Trường Tiểu học Nhân Hoà-TH-Mỹ thuật
779	TH783	Đỗ Hải Yến	22/03/2002	SP	87,5	87,5			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Liêu Xá-TH-Văn hóa
780	TH784	Doãn Thị Hải Yến	19/5/1997	Khác	60,8	60,8			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Hoàng Hanh-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Hoàng Hanh-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Liên Phương-TH-Ngoại ngữ
781	TH785	Dư Thị Ngọc Yến	21/5/2001	Khác	53,3	53,3			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Xuân Dục-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Xuân Dục-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Phùng Chí Kiên-TH-Ngoại ngữ
782	TH786	Giang Thị Yến	09/5/1988	SP	56,7	56,7			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường Tiểu học Ngọc Thanh-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Vĩnh Xá-TH-Văn hóa
783	TH787	Hoàng Thị Yến	10/8/1988	SP	58,3	58,3			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường Tiểu học Đình Cao-TH-GDTC	Trường Tiểu học Đình Cao-TH-GDTC	Trường TH và THCS Minh Hoàng-TH-GDTC
784	TH788	Lê Hải Yến	06/12/1994	Khác		Vắng			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Ngoại ngữ

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
785	TH789	Lê Thị Hải Yến	22/8/2001	SP	**54,2**	54,2			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Ông Đình-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Ông Đình-TH-Văn hóa	
786	TH790	Nguyễn Hải Yến	18/9/2000	SP	**49,2**	49,2			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Cương Chính-TH-Văn hóa
787	TH791	Nguyễn Thị Hải Yến	01/11/2001	SP	**54,2**	54,2			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Hàm Tử-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Hàm Tử-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Đại Tập-TH-Văn hóa
788	TH792	Nguyễn Thị Kim Yến	09/07/1990	Khác	**55,8**	55,8			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Minh Châu-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Minh Châu-TH-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Thanh Long-TH-Ngoại ngữ
789	TH793	Nguyễn Thị Yến	26/02/1997	SP	**70,8**	70,8			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Tô Hiệu-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Tô Hiệu-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Văn hóa
790	TH794	Nguyễn Thị Yến	28/11/1994	SP	**82,5**	82,5			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Lương Tài-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Lương Tài-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Văn hóa
791	TH795	Phạm Thị Yến	22/11/1993	SP	**72,5**	72,5			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Đồng Tiến-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Đồng Tiến-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Văn hóa
792	TH796	Trần Thị Yến	20/11/1989	SP	**45,8**	45,8			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Đông Tảo-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Hoàn Long-TH-Văn hóa
793	TH797	Trần Thị Yến	08/6/2001	SP	**49,2**	49,2			Cử nhân	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Văn hóa	Trường Tiểu học Minh Tiến-TH-Văn hóa
794	TH798	Nguyễn Thị Tân	13/06/1990	SP	**56,7**	56,7			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Minh Châu-TH-Văn hóa	Trường TH và THCS Minh Châu-TH-Văn hóa	